

Số: ~~1627~~ QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~18~~ tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thị xã Đức Phổ theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của UBND thị xã Đức Phổ tại Báo cáo số 292/BC-UBND ngày 31/8/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2836/STC-QLGCS ngày 23/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 372 cơ sở nhà, đất của 74 cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thị xã Đức Phổ, trong đó:

a) Giữ lại tiếp tục sử dụng: có 251 cơ sở nhà, đất của 74 cơ quan, tổ chức, đơn vị (*Chi tiết tại phụ lục số 01 kèm theo*).

b) Điều chuyển: có 13 cơ sở nhà, đất của 09 cơ quan, tổ chức, đơn vị (*Chi tiết tại phụ lục số 02 kèm theo*).

c) Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: có 108 cơ sở nhà, đất của 37 cơ quan, tổ chức, đơn vị (*Chi tiết tại phụ lục số 03 kèm theo*).

Điều 2. Phương án sắp xếp lại, xử lý từng cơ sở nhà, đất tại Điều 1 Quyết định này thay thế cho biện pháp xử lý cơ sở nhà, đất theo Kết luận thanh tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh nếu có khác nhau.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện Phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất tại Điều 1 Quyết định này; thông báo (bằng văn bản) và hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng đúng mục đích các cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt theo quy định. Xử lý dứt điểm các vướng mắc liên quan đến các cơ sở nhà, đất theo Kết luận thanh tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của UBND tỉnh.

b) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tiếp tục rà soát, báo cáo bổ sung các cơ sở nhà, đất được giao quản lý, sử dụng nhưng chưa được báo cáo, kê khai trong Phương án sắp xếp lại, xử lý tại Điều 1 Quyết định này.

c) Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản thuộc diện thu hồi, bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất vẫn tiếp tục quản lý, bảo quản tài sản đến khi thực hiện xong phương án được phê duyệt.

d) Thực hiện các bước tiếp theo theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành các Quyết định xử lý nhà, đất và triển khai các thủ tục tiếp theo theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị tiến hành rà soát, chấm dứt ngay việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết hoặc sử dụng vào các mục đích khác không đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P. Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KT.402

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

Phụ lục số 01
PHƯƠNG AN SÀU XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
HÌNH THỨC: GIỮ LẠI TIẾP TỤC SỬ DỤNG
(Kèm theo Quyết định số **1627/QĐ-UBND** ngày **18/10/2021** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mức dịch sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Diện tích xây dựng	Nhà diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	5	6	7	8	9
1	Cơ quan nhà nước	15.263,5	4.725,9	9.043,8				
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã	1.017,0	265,5	426,4				
1.1	- Nhà làm việc phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Đức Phố - Địa chỉ: Số 13 Đỗ Quang Thắng, Tò dân phố 6, phường Nguyễn Nghiêm	1.017,0	265,5	426,4	Giấy CNQSD đất số BK569086 cấp ngày 06/2/2013	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
2	Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thị xã	1.100,0	253,4	561,2				
2.1	- Kho lưu trữ tài liệu thị xã Đức Phố - Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng, Tò dân phố 1, phường Nguyễn Nghiêm	1.100,0	253,4	561,2	Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 04/1/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
3	UBND TOÀN thị xã	1.908,7	603,6	1.718,0				
3.1	- Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội thị xã Đức Phố - Địa chỉ: Số 04 Đường Trần Phú, Tò dân phố 6, phường Nguyễn Nghiêm	1.908,7	603,6	1.718,0	Giấy CNQSD đất số A1434431 cấp ngày 23/4/2007	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
4	Phòng Lao động - TR&XH thị xã	783,7	190,0	368,0				
4.1	- Nhà làm việc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã Đức Phố - Địa chỉ: 114 Đỗ Quang Thắng, Tò dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm	783,7	190,0	368,0	Giấy CNQSD đất số BK626761 cấp ngày 06/11/2012	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
5	Văn phòng thị xã	5.919,3	1.464,4	3.350,3				
5.1	- Trụ sở làm việc UBND thị xã Đức Phố - Địa chỉ: Số 465 Nguyễn Nghiêm, Tò dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm	4.519,3	668,2	1.757,9	Giấy CNQSD đất số W217778 cấp ngày 24/01/2003	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
5.2	- Chi cục Thuế huyện (cũ), (Trung tâm Y tế dự phòng đang quản lý, sử dụng); - Địa chỉ: Số 72 Trần Phú, Tò dân phố 5, phường Nguyễn Nghiêm	1.400,0	439,5	879,0	Giấy CNQSD đất số BR089556 cấp ngày 10/3/2014	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã	3.698,0	1.680,2	2.137,2				
6.1	- Nhà làm việc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã - Địa chỉ: Số 71 Trần Kiện, Tò dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm	3.698,0	457,0	914,0	Giấy CNQSD đất số D072870 ngày 28/4/2004	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng
7	Nhà thể thao đa năng	1.223,2	1.223,2	482,7				
7.1	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã - Nhà làm việc Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đức Phố; - Địa chỉ: Đường Lê Thị Hồng Gấm, Tò dân phố 1, phường Nguyễn Nghiêm	836,8	268,8	482,7	Giấy CNQSD đất số CB090977 cấp ngày 22/7/2015	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà					
I	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
II	Đơn vị sự nghiệp	32.246,5	5.639,0	7.846,4					
I	BQL dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã	1.693,6	228,0	455,4					
1.1	- Nhà làm việc BQL dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã - Địa chỉ: Số 116 Phạm Văn Đồng, Tổ dân phố 1, phường Nguyễn Nghiêm	1.693,6	228,0	455,4	Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi giao đất 2.097,2 m2	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Phần diện tích 403,59 m2 hiện nay đã được đầu tư xây dựng công viên Phường Nguyễn Nghiêm
2	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao thị xã	12.595,0	2.022,5	3.165,2					
2.1	- Trung tâm Văn hóa thị xã Đức Phổ - Địa chỉ: 116 Đỗ Quang Thắng, Tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm	7.707,5	1.247,3	1.723,0	Giấy CNQSD đất số BK626762 cấp ngày 06/11/2012	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.2	- Nhà thờ văn thị xã Đức Phổ - Địa chỉ: 12A Trần Kiên, Tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm	2.728,0	563,2	1.048,2	Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.3	- Nhà làm việc Đài truyền thanh - truyền hình thị xã; - Địa chỉ: Số 80 Đỗ Quang Thắng, Tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm	2.159,5	212,0	394,0	Giấy CNQSD đất số Đ093635 cấp ngày 08/9/2004	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp thị xã	1.200,0	123,6	248,0					
3.1	- Nhà làm việc Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp thị xã; - Địa chỉ: Số 09 Đỗ Quang Thắng, Tổ dân phố 6, phường Nguyễn Nghiêm	1.200,0	123,6	248,0	Giấy CNQSD đất số AD 215141 cấp ngày 14/12/2005	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Ban Tuyên giáo thị xã	4.200,0	985,1	1.162,1					
4.1	- Nhà hành chính và nhà Hội trường A Trung tâm bồi dưỡng Chính trị; - Địa chỉ: Số 01 Đỗ Quang Thắng, Tổ dân phố 6, phường Nguyễn Nghiêm - Dãy nhà nghỉ và nhà bếp Trung tâm bồi dưỡng Chính trị; - Nhà hội trường B Trung tâm bồi dưỡng Chính trị;	4.200,0	300,0	477,0	Giấy CNQSD đất số AE235850 cấp ngày 05/6/2006	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5	Hội Chữ thập đỏ thị xã	2.719,8	215,0	215,0					
5.1	- Nhà làm việc Hội Chữ thập đỏ thị xã; - Số 35 Nguyễn Du, Tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm	2.719,8	170,0	170,0	Giấy CNQSD đất số AG 451652 cấp ngày 22/11/2006	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Trung tâm Nuôi dưỡng phục hồi chức năng nan nhân chất độc da cam Đức Phổ	1.995,7	388,1	606,6					
6.1	- Nhà làm việc Trung tâm Nuôi dưỡng phục hồi chức năng nan nhân chất độc da cam Đức Phổ; - Địa chỉ: Số 35 Nguyễn Du, Tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm	1.995,7	388,1	606,6	Công văn 536/UBND-TNMT ngày 30/7/2012 của UBND huyện Đức Phổ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Trung tâm GDNN & GDTX thị xã	5.527,4	1.314,4	1.631,8					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng					
			Diện tích xây dựng 4a							
1	2 - Dãy phòng học 2 tầng, Trung tâm GDNN & GDTX thị xã - Địa chỉ: Số 15 Hồ Quang Thắng, Tò dân phố 6, phường Nguyễn Nghiêm	3			5	Giấy CNQSD đất số CG85629 cấp ngày 23/2/2017	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	9
7.1	Dãy nhà làm việc và thương trực, Trung tâm GDNN & GDTX thị xã	5.527,4	337,1	654,5						
8	Phòng Quản lý đô thị thị xã	2.315,0	977,3	977,3						
8.1	- Nhà làm việc Đội vệ sinh môi trường; - Địa chỉ: Tò dân phố 4, phường Nguyễn Nghiêm	2.315,0	154,2	154,2	Giấy CNQSD đất BK.569631 cấp ngày 11/10/2003	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
III	Nhà để xe Đội vệ sinh môi trường	208,1	25.507,2	208,1						
I	UBND các xã, phường	377.531,7	1.906,0	30.985,7						
1.1	UBND xã Phò Khánh	24.472,5	223,0	2.313,8						
	Nhà làm việc (Cũ) UBND xã Phò Khánh		223,0	440,6						
	Nhà làm việc (Mới) UBND xã Phò Khánh	2.893,0	281,0	471,2	Giấy CNQSD đất số T00040 cấp ngày 20/3/2002	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
	Nhà hội trường UBND xã Phò Khánh	279,0	279,0	279,0						
1.2	Nhà làm việc Công an xã Phò Khánh	90,0	90,0	90,0						
1.3	Nhà sinh hoạt người cao tuổi thôn Quy Thiện, xã Phò Khánh	724,0	35,0	35,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 04, số thửa đất 579 xã Phò Khánh	
1.4	Nhà văn hóa thôn Diên Trường, xã Phò Khánh	932,0	172,0	172,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 43, số thửa đất 1151, 1156 xã Phò Khánh	
1.5	Nhà văn hóa thôn Phú Long, xã Phò Khánh	1.020,0	84,0	84,0	Giấy CNQSD đất số BK.569008 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.6	Nhà sinh hoạt Khu dân cư thôn Phú Long, xã Phò Khánh	329,0	63,0	63,0	Giấy CNQSD đất số BK.569010 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.7	Nhà văn hóa thôn Trung Hải, xã Phò Khánh	800,0	77,0	77,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 21, số thửa đất 85, 86 xã Phò Khánh	
1.8	Nhà văn hóa thôn Phước Diên, xã Phò Khánh	1.033,0	70,0	70,0	Giấy CNQSD đất số BK.569009 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.9	Nhà văn hóa thôn Quy Thiện, xã Phò Khánh	1.459,0	98,0	98,0	Giấy CNQSD đất số BK.569006 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.10	Nhà văn hóa thôn Vĩnh An, xã Phò Khánh	1.156,5	84,0	84,0	Giấy CNQSD đất số BK.569011 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.11	Nhà Sinh hoạt KIDC số 7, xã Phò Khánh	956,8	56,0	56,0	Giấy CNQSD đất số BK.569004 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.12	Nhà Sinh hoạt KIDC số 8, xã Phò Khánh	171,0	30,0	30,0	Giấy CNQSD đất số BK.569017 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.13	Nhà Sinh hoạt KIDC số 6, xã Phò Khánh	137,0	30,0	30,0	Giấy CNQSD đất số BK.569003 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.14	Nhà Sinh hoạt KIDC số 19, xã Phò Khánh	209,6	35,0	35,0	Giấy CNQSD đất số BK.569012 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.15	Nhà Sinh hoạt KIDC số 2, xã Phò Khánh	205,0	24,0	24,0	Giấy CNQSD đất số BK.569001 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.16	Nhà Sinh hoạt KIDC số 5, xã Phò Khánh	365,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số BK.569002 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
1.16	Nhà sinh hoạt KIDC số 27, xã Phò Khánh	429,0	35,0	35,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 10, số thửa đất 765, xã Phò Khánh	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
1.17	Nhà truyền thống thôn Vĩnh An, xã Phố Khánh	1.595,0	92,0	92,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 15, số thửa đất 551, 552 xã Phố Khánh
1.18	Sân vận động xã Phố Khánh, thôn Trung Sơn	8.039,6			Giấy CNQSD đất số BK.569016 cấp ngày 09/11/2012	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 26, số thửa đất 165 xã Phố Khánh
1.19	Sân vận động xã Phố Khánh, thôn Trung Sơn	2.018,0			Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	UBND xã Phố An	36.635,4	2.308,4	2.656,7					
2.1	Nhà làm việc và hội trường UBND xã Phố An	796,0	1.144,3	1.144,3	Giấy CNQSD đất số CI.57228 cấp ngày 31/7/2017	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc Công an xã Phố An	2.115,6	139,5	139,5					
	Nhà làm việc BCHQS xã Phố An		126,0	126,0					
2.2	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Phố An	1.858,8	558,9	558,9	Giấy CNQSD đất số CN.013808 cấp ngày 09/3/2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.3	Nhà văn hóa thôn Hội An 1, xã Phố An	709,0	172,0	172,0	Giấy CNQSD đất số CD.795061 cấp ngày 09/01/2017	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.4	Nhà văn hóa thôn Hội An 2, xã Phố An	925,0	172,0	172,0	Giấy CNQSD đất số CD.795027 cấp ngày 20/12/2016	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.5	Nhà văn hóa thôn An Thạch, xã Phố An	918,0	172,0	172,0	Giấy CNQSD đất số CD.795062 cấp ngày 09/01/2017	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.6	Nhà Văn hóa thôn An Thổ, xã Phố An	951,0	172,0	172,0	Giấy CNQSD đất số CD.795063 cấp ngày 09/01/2017	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.7	Sân vận động thôn Hội An 1, xã Phố An	8.861,0			Giấy CNQSD đất số B1063206 cấp ngày 15/5/2012	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.8	Sân vận động thôn Hội An 2, xã Phố An	8.268,0			Giấy CNQSD đất số B1063205 cấp ngày 15/5/2012	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.9	Sân vận động thôn An Thổ, xã Phố An	12.029,0			Giấy CNQSD đất số B1063209 cấp ngày 15/5/2012	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	UBND xã Phố Nhom	12.982,2	1.300,9	1.735,9					
3.1	Nhà làm việc UBND xã Phố Nhom (mới)	260,3	384,0	384,0	- Giấy CNQSD đất số B1063378 cấp ngày 27/4/2012 có diện tích 2.432 m2	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Hội trường UBND xã Phố Nhom (cũ)	3.099,0	311,2	622,5					
	Nhà Hội trường UBND xã Phố Nhom		239,7	239,7	- Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3.2	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn An Tây Điền, xã Phố Nhom (An Điền cũ)	1.090,2	135,0	135,0					
3.3	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn An Tây Điền, xã Phố Nhom (An Tây cũ)	5.112,0	70,0	70,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 32, thửa đất số 961, ngày 14/10/2006 xã Phố Nhom
3.4	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Nhom Bích, xã Phố Nhom	2.106,0	145,6	145,6	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 12, thửa đất số 1425, ngày 20/5/2011 xã Phố Nhom
3.5	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Phước Nhom, xã Phố Nhom	1.575,0	139,1	139,1	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 11, thửa đất số 1050, ngày 20/5/2011 xã Phố Nhom
4	UBND xã Phố Thuận	29.963,5	1.385,5	1.782,0					
4.1	Nhà làm việc trụ sở UBND xã Phố Thuận	396,5	793,0	793,0	Giấy CNQSD đất số T-00064 cấp ngày 12/9/2003	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Hội trường UBND xã Phố Thuận	6.852,0	242,0	242,0					
4.2	Nhà làm việc Công an xã Phố Thuận	610,0	75,0	75,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 14, thửa đất số 194 xã Phố Thuận

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
4.3	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Thiệp Sơn, xã Phổ Thuận	710,0	96,0	96,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 20, thửa đất số 234 xã Phổ Thuận
4.4	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn An Định, xã Phổ Thuận	833,0	72,0	72,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 4, thửa đất số 943 xã Phổ Thuận
4.5	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Kim Giao, xã Phổ Thuận	2.032,0	60,0	60,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 25, thửa đất số 443 xã Phổ Thuận
4.6	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Mỹ Thuận, xã Phổ Thuận	1.210,0	111,0	111,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 25, thửa đất số 531 xã Phổ Thuận
4.7	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Thanh Bình, xã Phổ Thuận	3.568,0	111,0	111,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 28, thửa đất số 392 xã Phổ Thuận
4.8	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Vùng 4, xã Phổ Thuận	1.556,0	111,0	111,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 06, thửa đất số 64 xã Phổ Thuận
4.9	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Vùng 5, xã Phổ Thuận	3.162,5	111,0	111,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 13, thửa đất số 78 xã Phổ Thuận
4.10	Sân vận động thôn Vùng 4, xã Phổ Thuận	9.430,0			Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 17, số thửa đất 155 xã Phổ Thuận
5	UBND phường Nguyễn Nghiêm	8.498,7	2.332,1	2.578,6					
5.1	Nhà làm việc UBND phường Nguyễn Nghiêm		246,5	493,0	Giấy CNQSD đất số AB215167 cấp ngày 27/12/2005	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc mở rộng phường Nguyễn Nghiêm		380,7	380,7					
	Nhà hội trường UBND phường Nguyễn Nghiêm	2.052,0	218,1	218,1					
	Nhà làm việc Đài truyền thanh phường Nguyễn Nghiêm		33,8	33,8					
5.2	Nhà văn hóa TDP1, phường Nguyễn Nghiêm	1.080,0	124,0	124,0	Giấy CNQSD đất số BR047657 cấp ngày 08/4/2015	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.3	Nhà văn hóa TDP2, phường Nguyễn Nghiêm	1.281,7	154,5	154,5	Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 23/01/2015 của UBND huyện Đức Phổ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.4	Nhà văn hóa TDP3, phường Nguyễn Nghiêm	1.060,0	124,0	124,0	Giấy CNQSD đất số BR047658 cấp ngày 08/4/2015	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.5	Nhà văn hóa TDP4, phường Nguyễn Nghiêm	866,0	151,0	151,0	Giấy CNQSD đất số BR089977 cấp ngày 09/12/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.6	Nhà văn hóa TDP5, phường Nguyễn Nghiêm	1.081,0	775,5	775,5	Giấy CNQSD đất số BR047659 cấp ngày 08/4/2015	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.7	Nhà văn hóa TDP6, phường Nguyễn Nghiêm	1.078,0	124,0	124,0	Giấy CNQSD đất số AB215162 cấp ngày 24/12/2005	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	UBND phường Phò Minh	21.310,3	1.460,0	2.118,4					
6.1	Nhà làm việc UBND phường Phò Minh		332,8	665,5	Giấy CNQSD đất số AM239076 cấp ngày 20/6/2008	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc và hội trường UBND phường Phò Minh	4.924,0	338,7	664,4					
6.2	Nhà sinh hoạt văn hóa, TDP Hải Môn, Phò Minh	2.798,0	80,0	80,0	Giấy CNQSD đất số BR089984 cấp ngày 26/12/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.3	Nhà sinh hoạt văn hóa, TDP Trường Saoh, Phò Minh	1.221,0	151,5	151,5	Giấy CNQSD đất số BR089985 cấp ngày 26/12/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.4	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tân Bình	300,0	155,7	155,7	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 2, thửa đất số 2 của phường Phò Minh

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
6.5	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tân Tự	1.500,0	155,7	155,7	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 10, thửa đất số 1259 của phường Phố Minh
6.6	Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tân Mỹ	1.000,0	155,7	155,7	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 13, thửa đất số 544, 574, 870 của phường Phố Minh
6.7	Sân vận động phường Phố Minh	9.567,3			Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 9, thửa đất số 502 của phường Phố Minh
7	UBND phường Phố Thanh	5.588,8	2.206,0	2.876,6					
7.1	Nhà làm việc UBND phường Phố Thanh	1.435,0	285,0	866,0	Giấy CNQSD đất số BE059343 cấp ngày 18/7/2011	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc BCHQS phường Phố Thanh		280,8	280,8					
			132,4	222,0					
7.2	Nhà làm việc Công an phường Phố Thanh	300,0	96,0	96,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 24 của phường Phố Thanh
7.3	Nhà sinh hoạt văn hóa, TDP Thanh Đức 1, phường Phố Thanh	300,0	170,0	170,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ khu tái định cư Triều Cường, thửa đất số 51, 52, 53 của phường Phố Thanh
7.4	Nhà sinh hoạt văn hóa, TDP Tân Diêm, phường Phố Thanh	443,0	153,0	153,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 24, thửa đất số 20 của phường Phố Thanh
7.5	Nhà văn hóa TDP Thạch By 1, phường Phố Thanh	300,0	120,0	120,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 38, thửa đất số 530, 531, 532 của phường Phố Thanh
7.6	Nhà văn hóa TDP Đồng Văn, phường Phố Thanh	50,0	50,0	50,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 50, thửa đất số 259 của phường Phố Thanh
7.7	Nhà văn hóa TDP Long Thanh 1, phường Phố Thanh	188,0	207,6	207,6	Giấy CNQSD đất số BE059338 cấp ngày 18/7/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.8	Nhà văn hóa TDP Thạch By 2, phường Phố Thanh	378,6	96,0	96,0	Giấy CNQSD đất số BE059339 cấp ngày 18/7/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.9	Nhà sinh hoạt hội người cao tuổi TDP Thanh Đức 1, phường Phố Thanh	350,1	63,0	63,0	Giấy CNQSD đất số BE059341 cấp ngày 18/7/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.10	Nhà văn hóa TDP La Văn, phường Phố Thanh	153,1	114,1	114,1	Giấy CNQSD đất số BE059340 cấp ngày 18/7/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.11	Nhà văn hóa TDP Thanh Đức 2, phường Phố Thanh	301,0	140,0	140,0	Giấy CNQSD đất số BE059342 cấp ngày 18/7/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.12	Nhà văn hóa TDP Long Thanh 2, phường Phố Thanh	1.136,0	207,6	207,6	QĐ số 2151/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện Đức Phổ điều chuyển cho UBND xã quản lý, sử dụng	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7.13	Nhà sinh hoạt KDC số 1, TDP Long Thanh 2, phường Phố Thanh	254,0	90,5	90,5	QĐ số 2151/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện Đức Phổ điều chuyển cho UBND xã quản lý, sử dụng	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8	UBND phường Phố Văn	84.693,9	1.593,6	1.868,8	Giấy CNQSD đất số A1749519 cấp				
8.1	Nhà làm việc UBND phường Phố Văn	4.632,0	275,5	550,7		Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng					
			Diện tích xây dựng	4b						
1	2 Nhà Hội trường UBND phường Phổ Văn	3 467,0	4a	4b	467,0	5 ngày 07/6/2007	6 Đất trụ sở cơ quan	7 Đang sử dụng	8 đùng	9
8.2	Nhà làm việc Công an phường Phổ Văn	205,9	86,1		86,1	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 07, thửa đất số 743 phường Phổ Văn
8.3	Nhà văn hóa TDP Văn Tường, phường Phổ Văn	500,0	153,0		153,0	QĐ số 1999/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 của UBND tỉnh	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.4	Nhà văn hóa TDP Tập An Nam, phường Phổ Văn	462,0	153,0		153,0		Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.5	Nhà văn hóa TDP Tập An Bắc, phường Phổ Văn	380,0	153,0		153,0		Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.6	Nhà văn hóa TDP Thủy Triều, phường Phổ Văn	506,0	153,0		153,0		Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.7	Nhà văn hóa TDP Đông Quang, phường Phổ Văn	408,0	153,0		153,0	Giấy CNQSD đất số T100727	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 07, thửa đất số 542 phường Phổ Văn
8.8	Sân vận động TDP Tập An Nam, phường Phổ Văn	77.600,0				Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	UBND xã Phổ Phong	15.759,7	1.234,5		1.468,2					
9.1	Nhà làm việc UBND xã Phổ Phong	4.491,0	233,7		467,4	Giấy CNQSD đất số X120080 cấp ngày 19/5/2003	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 31, thửa đất số 981 xã Phổ Phong
9.2	Nhà làm việc Công an xã Phổ Phong	1.263,0	96,0		96,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.3	Nhà sinh hoạt văn hóa, thôn Tân Phong, xã Phổ Phong	891,0	165,0		165,0	QĐ số 82/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.4	Nhà sinh hoạt văn hóa, thôn Vĩnh Xuân, xã Phổ Phong	514,0	165,0		165,0	QĐ số 70/QĐ-UBND ngày 17/5/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.5	Nhà sinh hoạt văn hóa, thôn Hùng Nghĩa, xã Phổ Phong	601,7	165,0		165,0		Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 41, thửa đất số 1067, 1113 xã Phổ Phong
9.6	Nhà sinh hoạt văn hóa, thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong	1.735,0	145,8		145,8	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9.7	Sân vận động xã Phổ Phong	6.264,0				Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 42, một phần diện tích các thửa đất số 641, 634, 1172, 724, 653 và thửa 707 xã Phổ Phong
10	UBND phường Phổ Hòa	19.687,4	1.190,2		1.580,6					
10.1	Nhà làm việc UBND phường Phổ Hòa (dãy A)		243,0		468,0	Giấy CNQSD đất số CD044627 cấp ngày 15/7/2016	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc UBND phường Phổ Hòa (dãy B)	2.110,1	165,4		330,8					
	Nhà Hội trường UBND phường Phổ Hòa		242,0		242,0	Giấy CNQSD đất số BK646162 cấp ngày 30/7/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10.2	Nhà sinh hoạt văn hóa trung tâm, TDP Hòa Thanh, phường Phổ Hòa	2.448,0	219,8		219,8	Giấy CNQSD đất số CD044631 cấp ngày 15/7/2016	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10.3	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Hòa Thanh, phường Phổ Hòa	600,1	80,0		80,0	Giấy CNQSD đất số CD044629 cấp ngày 15/7/2016	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10.4	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Hiền Văn, phường Phổ Hoà	693,0	80,0		80,0	Giấy CNQSD đất số C1004630 cấp ngày 15/7/2016	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10.5	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP An Thuận, phường Phổ Hoà	809,6	80,0		80,0	Giấy CNQSD đất số C1004630 cấp ngày 15/7/2016	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
10.6	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Nho Lâm, phường Phố Hòa	1.161,0	80,0	80,0	Giấy CNQSD đất số CD044628 cấp ngày 15/7/2016	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10.7	Sân vận động thể thao xã, thôn Hoà Thành, phường Phố Hòa	11.865,6			Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 63, thửa đất số 11 của phường Phố Hòa
11	UBND phường Phố Quang	28.859,0	1.807,1	2.054,5					
11.1	Nhà làm việc UBND phường Phố Quang		391,0	782,0					
	Nhà hội trường UBND phường Phố Quang	3.250,0	259,2	259,2	QĐ số 2001/QĐ-CT ngày 08/7/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc BCHQS phường Phố Quang		150,0	150,0					
	Nhà làm việc Công an phường Phố Quang		92,8	92,8					
11.2	Nhà sinh hoạt văn hóa, TDP Phần Thát, phường Phố Quang	2.443,0	50,0	50,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 2, thửa đất số 346, 319 phường Phố Quang
11.3	Nhà sinh hoạt văn hóa, TDP Hải Tân, phường Phố Quang	850,0	207,6		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 16, thửa đất số 149, 159 phường Phố Quang
11.4	Nhà sinh hoạt văn hóa trung tâm phường Phố Quang	5.786,0	656,5		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 8, thửa đất số 148 phường Phố Quang
11.5	Sân vận động phường Phố Quang	16.530,0			Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 9, thửa đất số 182, 183, 184, 185, 186, 187, 209, 210, 211, 212, 213, 225 của phường Phố Quang
12	UBND xã Phố Châu	12.784,0	1.448,2	1.900,4					
12.1	Nhà làm việc UBND xã Phố Châu		406,8	859,0	QĐ số 5529/QĐ-UBND ngày 01/12/2000 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà Hội trường UBND xã Phố Châu	5.253,0	264,0	264,0					
	Nhà làm việc BCHQS xã Phố Châu		142,0	142,0					
	Nhà làm việc Công an xã Phố Châu		86,3	86,3					
12.2	Nhà sinh hoạt khu dân cư thôn Vĩnh Tuy, xã Phố Châu	292,0	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 46, thửa đất số 675 xã Phố Châu
12.3	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Vĩnh Tuy, xã Phố Châu	300,0	120,0	120,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 42, thửa đất số 30,73 xã Phố Châu
12.4	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Châu Mè, xã Phố Châu	649,0	139,1	139,1	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 32, thửa đất số 177 xã Phố Châu
12.5	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Tấn Lộc, xã Phố Châu	276,9	120,0	120,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 13, thửa đất số 171 xã Phố Châu
12.6	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Hùng Long, xã Phố Châu	289,0	70,0	70,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 30, thửa đất số 93 xã Phố Châu
12.7	Sân vận động xã Phố Châu	5.724,1			Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 18, thửa đất số 276 của xã Phố Châu
13	UBND phường Phố Vĩnh	31.208,5	2.305,1	2.540,5					
13.1	Nhà làm việc UBND phường Phố Vĩnh		235,4	470,8					
	Nhà Hội trường UBND phường Phố Vĩnh	3.220,0	270,0	270,0	Giấy CNQSD đất số U828520 cấp ngày 29/8/2003	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà làm việc Công an phường Phố Vĩnh		84,0	84,0					
	Nhà làm việc BCHQS phường Phố Vĩnh		147,0	147,0					
13.2	Nhà sinh hoạt văn hóa trung tâm, TDP Trung Lý, phường Phố Vĩnh	3.032,5	527,1	527,1	Giấy CNQSD đất số BR047704 cấp ngày 15/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà							
			Diện tích xây dựng 4a	Diện tích sàn sử dụng 4b						
1	2	3			5	6	7	8	9	
13.3	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Nam Phước, phường Phổ Vinh	1.010,0	173,6	173,6	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 543, thửa đất số 13 của phường Phổ Vinh	
13.4	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Khánh Bắc, phường Phổ Vinh	2.228,0	173,6	173,6	Giấy CNQSD đất số B0507299 cấp ngày 23/9/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13.5	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Lộc An, phường Phổ Vinh	1.199,0	173,6	173,6	Giấy CNQSD đất số BK569124 cấp ngày 20/12/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13.6	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Đông Thuận, phường Phổ Vinh	604,0	173,6	173,6	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 70, thửa đất số 26 của phường Phổ Vinh	
13.7	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Phi Hiệp, phường Phổ Vinh	2.875,0	173,6	173,6	Giấy CNQSD đất số B0507298 cấp ngày 23/9/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13.8	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Trung Lý, phường Phổ Vinh	783,0	173,6	173,6	Giấy CNQSD đất số BK626800 cấp ngày 06/12/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13.9	Sân Văn Đông TDP Trung Lý, phường Phổ Vinh	7.818,0			Giấy CNQSD đất số BK646192 cấp ngày 25/6/2012	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
13.10	Sân Văn Đông TDP Nam Phước, phường Phổ Vinh	8.439,0			Giấy CNQSD đất số BK646191 cấp ngày 25/6/2012	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
14	UBND phường Phổ Ninh	14.528,0	704,4	820,5						
14.1	Nhà làm việc UBND phường Phổ Ninh	3.462,0	115,8	231,9	Giấy CNQSD đất số D072876 cấp ngày 22/4/2004	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
14.2	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP An Ninh, phường Phổ Ninh	772,0	182,0	182,0	Giấy CNQSD đất số BK626793 cấp ngày 30/10/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Từ bản đồ số 21, số thửa đất 809, theo trích lục bản đồ ngày 11/10/2011	
14.3	Nhà sinh hoạt văn hóa TDP Thanh Lâm, phường Phổ Ninh	500,0	182,0	182,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
14.4	Sân văn đông TDP Lộ Bàn, phường Phổ Ninh	9.794,0			Không có hồ sơ	Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Từ bản đồ số 19, số thửa đất 44.198, 199, 46.200, 197, 190, 201, 48, 192, 52, 197, 191, 69, 193, 195, 194, 196, 69 theo Bản đồ địa chính Khu đất ngày 21/12/2018	
15	UBND xã Phổ Cường	30.559,8	2.325,2	2.690,2						
15.1	Nhà làm việc UBND xã Phổ Cường		530,0	895,0				Giữ lại tiếp tục sử dụng		
	Nhà hội trường UBND xã Phổ Cường		487,3	487,3				Giữ lại tiếp tục sử dụng		
	Nhà thư viện Đảng, Thủy Trầm, xã Phổ Cường	4.052,0	229,0	229,0	Giấy CNQSD đất số 4838 cấp ngày 18/10/2000	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
	Nhà Đại truyền thanh, xã Phổ Cường		78,4	78,4				Giữ lại tiếp tục sử dụng		
15.2	Nhà làm việc Công an xã Phổ Cường	576,0	87,0	87,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Từ bản đồ số 31, số thửa đất 1728, trích lục ngày 29/11/2019	
15.3	Nhà truyền thông thôn Nga Mân, xã Phổ Cường	2.725,0	105,0	105,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 30, số thửa đất 980 của xã Phổ Cường	
15.4	Nhà truyền thông thôn Mỹ Trang, xã Phổ Cường	4.501,0	325,5	325,5	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 06, số thửa đất 535 của xã Phổ Cường	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
15.5	Nhà truyền văn hóa Thanh Sơn, xã Phố Cường	538,0	45,0	45,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 45, số thửa đất 1416 của xã Phố Cường
15.6	Nhà sinh hoạt KDC số 4, thôn Mỹ Trang, xã Phố Cường	1.861,8	47,3	47,3	QĐ số 2150/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND huyện điều chuyển cho UBND xã quản lý, sử dụng	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giấy CNQSD đất số CT00053 cấp ngày 14/6/2010; Trích lục tờ bản đồ số 19, số thửa đất 137 của xã Phố Cường
15.7	Khu sinh hoạt văn hóa thôn Nga Mán, xã Phố Cường	1.660,0	119,0	119,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giấy CNQSD đất số CT00055 cấp ngày 14/6/2010; Trích lục tờ bản đồ số 30 số thửa đất 981 của xã Phố Cường
15.8	Nhà sinh hoạt KDC 5 thôn Thủy Thạch, xã Phố Cường	1.173,0	35,0	35,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giấy CNQSD đất số CT00050 cấp ngày 14/6/2010; Trích lục tờ bản đồ số 15 số thửa đất 299 của xã Phố Cường
15.9	Nhà sinh hoạt KDC 4 thôn Bàn Thạch, xã Phố Cường	474,0	49,0	49,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giấy CNQSD đất số CT00052 cấp ngày 14/6/2010; Trích lục tờ bản đồ số 39 số thửa đất 1259 của xã Phố Cường
15.10	Hội trường thôn Thanh Sơn, xã Phố Cường	498,0	45,0	45,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giấy CNQSD đất số CT00059 cấp ngày 14/6/2010; Trích lục tờ bản đồ số 38, số thửa đất 1238 của xã Phố Cường
15.11	Hội trường thôn Xuân Thành, xã Phố Cường	544,0	39,9	39,9		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giấy CNQSD đất số CT00039 cấp ngày 31/5/2010; Trích lục tờ bản đồ số 29, số thửa đất 1007 của xã Phố Cường
15.12	Nhà sinh hoạt KDC số 1, thôn Lâm Bình, xã Phố Cường	734,0	56,0	56,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giấy CNQSD đất số CT00051 cấp ngày 14/6/2010; Trích lục tờ bản đồ số 02, số thửa đất 298 của xã Phố Cường
15.13	Nhà sinh hoạt KDC 6, thôn Nga Mán, xã Phố Cường	267,0	46,8	46,8		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Giấy CNQSD đất số CT00054 cấp ngày 14/6/2010; Trích lục tờ bản đồ số 31, số thửa đất 698 của xã Phố Cường
15.14	Sân vận động xã Phố Cường	10.956,0				Đất cơ sở thể dục - thể thao	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 31, số thửa đất 545 của xã Phố Cường
IV	Các trường học	390.559,4	56.380,1	97.049,0					
I	Mầm non Phố Châu	2.896,5	354,0	354,0					
1.1	Điểm trường thôn Tân Lộc, xã Phố Châu	1.336,2	174,0	174,0	Giấy CNQSD đất số BA849264 ngày 17/06/2010 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.2	Điểm trường thôn Châu Me, xã Phố Châu	560,0	58,0	58,0	Giấy CNQSD đất số AL343150 ngày 28/01/2008 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
1.3	Điểm trường thôn Vĩnh Tuy, xã Phố Châu	1.000,3	122,0	122,0	Giấy CNQSD đất số BA849183 ngày 10/06/2010 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2	Mầm non Phố Thanh	8.971,0	2.081,8	2.316,4					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Dất	Diện tích xây dựng	Nhà					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
2.1	Nhà lớp học 4 phòng, Điểm trường trung tâm, TDP Tân Diêm, phường Phố Thạnh	2.617,0	481,8	481,8	Giấy CNQSD đất số BR089235 cấp ngày 22/05/2014	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.2	Nhà lớp học 4 phòng - 2 tầng, Điểm trường Thành Đức, TDP Thanh Đức, phường Phố Thạnh	1.030,0	346,7	470,0	Giấy CNQSD đất số BK569293 ngày 09/05/2013	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.3	Nhà lớp học 4 phòng và 2 phòng, Điểm trường Thạch By 2, TDP Thạch By 2, phường Phố Thạnh	1.584,0	592,4	592,4	Giấy CNQSD đất số AB301610 ngày 10/6/2005	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
2.4	Điểm trường TDP La Vân, phường Phố Thạnh	740,0			QB số 2113/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND thị xã Đức Phổ điều chuyển cho Trường Mầm non Phố Thạnh quản lý, sử dụng	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng (đất trống)	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Xây dựng 04 phòng học - 02 tầng trường Mầm non Phố Thạnh
2.5	Nhà lớp học 6 phòng, Điểm trường Long Thanh 1, TDP Long Thanh 1, phường Phố Thạnh	3.000,0	397,9	385,3	Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
3	Điểm trường Trung Sơn (khu A), thôn Trung Sơn, xã Phố Khánh	2.872,0	478,3	956,6					
3.1	Điểm trường Trung Sơn (khu B), thôn Trung Sơn, xã Phố Khánh	2.872,0	206,8	413,6	Giấy CNQSD đất số CU573923 cấp ngày 11/2/2020	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
4	Mầm non Phố Cường	4.208,0	1.268,0	1.856,0					
4.1	Dãy phòng A Điểm trường Trung tâm, thôn Mỹ Trang, xã Phố Cường		110,0	110,0					
	Dãy phòng B Điểm trường Trung tâm, thôn Mỹ Trang, xã Phố Cường	1.008,0	250,0	250,0	Giấy CNQSD đất số BK569736 cấp ngày 15/4/2014	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy phòng C Điểm trường Trung tâm, thôn Mỹ Trang, xã Phố Cường		55,0	55,0					
	Dãy phòng A Điểm trường cơ sở 2, thôn Nga Mân, xã Phố Cường		255,0	510,0					
4.2	Dãy phòng B Điểm trường cơ sở 2, thôn Nga Mân, xã Phố Cường	3.200,0	333,0	666,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Từ bản đồ số 30, số thửa đất 851 và 1161, trích lục ngày 08/10/2014
	Dãy phòng C Điểm trường cơ sở 2, thôn Nga Mân, xã Phố Cường		265,0	265,0					
5	Mầm non Phố Hòa	6.341,6	460,9	650,3					
5.1	Điểm trường TDP Nhò Lâm, phường Phố Hòa (khu E)	3.480,0	68,1	68,1	Giấy CNQSD đất số AD215269 cấp ngày 14/4/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
5.2	Điểm trường trung tâm TDP Hòa Thành, phường Phố Hòa (khu F)	2.861,6	392,8	582,2	Giấy CNQSD đất số CG987263 cấp ngày 21/6/2017	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6	Mầm non Phố Vinh	5.431,0	831,3	1.454,6					
	Điểm trường Trung tâm (khu A), TDP Trung Mỹ, phường Phố Vinh		278,7	557,5	Giấy CNQSD đất số CL634650 cấp ngày 11/12/2017	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
6.1	Điểm trường Trung tâm (khu A), TDP Trung Mỹ, phường Phố Vinh	3.539,0	344,5	689,0					
6.2	Điểm trường Nam Phước, TDP Nam Phước, phường Phố Vinh	1.892,0	208,1	208,1	Giấy CNQSD đất số AP887287 cấp ngày 27/11/2009	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
7	Mầm non Phố Minh	4.306,0	734,0	1.087,6					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sân sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
7.1	Điểm trường trung tâm (Nhà lớp học), TDP 2, phường Phố Minh	2.709,0	200,0	400,0	Giấy CNQSD đất số CT09130 cấp ngày 19/4/2017	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường trung tâm (Nhà bếp), TDP 2, phường Phố Minh		62,0	62,0					
	Điểm trường trung tâm (Nhà hiệu bộ), TDP 2, phường Phố Minh		200,0	353,6					
	Điểm trường trung tâm (Nhà lớp học-PCTT), TDP 2, phường Phố Minh		200,0	200,0					
7.2	Điểm trường Hai Môn, TDP 4, phường Phố Minh	1.597,0	72,0	72,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 11, thửa đất số 651 của phường Phố Minh
8	Mầm non Nguyễn Nghiêm	7.275,0	1.088,0	1.384,0	Giấy CNQSD đất số W 21775 cấp ngày 24/01/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
8.1	Điểm trường (khu A) cơ sở 1, số 29 Đỗ Quang thẳng, tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm	3.522,0	148,0	296,0					
	Điểm trường (khu B) cơ sở 1, số 29 Đỗ Quang thẳng, tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm		248,0	248,0					
	Điểm trường (khu C) cơ sở 1, số 29 Đỗ Quang thẳng, tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm		248,0	248,0					
8.2	Điểm trường (khu A) cơ sở 2, số 10A Trần Kiến, tổ dân phố 1, phường Nguyễn Nghiêm	2.988,0	148,0	296,0	Giấy CNQSD đất số AE 235849 cấp ngày 05/6/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường (khu B) cơ sở 2, số 10A Trần Kiến, tổ dân phố 1, phường Nguyễn Nghiêm		248,0	248,0					
8.3	Điểm trường lẻ, đường Võ Tùng, tổ dân phố 4, phường Nguyễn Nghiêm	765,0	48,0	48,0	QĐ giao đất số 613/QĐ- UBND ngày 14/12/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
9	Mầm non Phố Ninh	4.704,0	1.241,1	1.524,6					
9.1	Điểm trường trung tâm (CS1 - khu 1), TDP An trường, phường Phố Ninh	2.214,0	283,5	567,0	Giấy CNQSD đất số 059708 ngày 01/10/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường trung tâm (CS1 - khu 2), TDP An trường, phường Phố Ninh		404,8	404,8					
	Điểm trường trung tâm (CS1 - khu 3), TDP An trường, phường Phố Ninh		224,7	224,7					
	Điểm trường đội 1 TDP Thanh Lâm, phường Phố Ninh (CS 2)								
9.2		2.490,0	328,1	328,1	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Tờ bản đồ số 17, số thửa đất 754,796 theo trích lục bản đồ địa chính khu đất ngày 07/7/2014
10	Mầm non Phố Văn	3.130,0	865,4	1.184,1	Giấy CNQSD đất số A1434415 ngày 13/04/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
10.1	Điểm trường trung tâm (khu A) TDP Đông Quang, phường Phố Văn	1.020,0	252,0	252,0					
	Điểm trường trung tâm (khu B) TDP Đông Quang, phường Phố Văn		126,0	126,0					
	Điểm trường trung tâm (khu C) TDP Đông Quang, phường Phố Văn		189,0	189,0					
	Điểm trường trung tâm (khu D) TDP Đông Quang, phường Phố Văn		298,4	617,1					
10.2		2.110,0	298,4	617,1	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 07, thửa đất số 604 phường Phố Văn
11	Mầm non Phố Thuận	6.615,0	1.353,7	1.556,1	Giấy CNQSD đất số AB215232 cấp ngày 06/03/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11.1	Điểm trường Trung tâm 1, thôn Vùng 5, xã Phố Thuận	989,0	423,0	423,0					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Dất	Diện tích xây dựng	Nhà					
		3	4a	4b	5	6	7	8	9
1	2								
11.2	Điểm trường Trung tâm 2, thôn Vùng 5, xã Phổ Thuận	761,0	234,0	234,0	Giấy CNQSD đất số AL/343/112 cấp ngày 31/12/2007	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11.3	Điểm trường Trung tâm 3, thôn Vùng 5, xã Phổ Thuận	1.138,0			Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 76, tờ bản đồ số 6 xã Phổ Thuận	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng (dất trồng)	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Xây dựng nhà hiệu bộ Trường Mầm non Phổ Thuận
11.4	Điểm trường thôn An Định, xã Phổ Thuận	446,0	80,0	80,0	Giấy CNQSD đất số AD 215229 cấp ngày 06/03/2006	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11.5	Điểm trường thôn Kim Giao, xã Phổ Thuận	243,0	80,0	80,0	Giấy CNQSD đất số AD 215230 cấp ngày 06/03/2006	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11.6	Điểm trường thôn Thanh Bình, xã Phổ Thuận	723,0	131,2	131,2	Giấy CNQSD đất số AD 215219 cấp ngày 06/03/2006	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
11.7	Điểm trường Mỹ Thuận, xã Phổ Thuận	2.315,0	405,5	607,9	Giấy CNQSD đất số U721246 cấp ngày 22/5/2002	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12	Mầm non Phổ Nhơn	6.432,0	1.217,2	1.375,9					
	Dãy 4 phòng học, Điểm trường thôn Phước Lợi, xã Phổ Nhơn		613,7	613,7	Giấy CNQSD đất số AP 898027 ngày 08/12/2009	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12.1	Dãy nhà hiệu bộ và phòng chức năng, Điểm trường thôn Phước Lợi, xã Phổ Nhơn	2.281,0	283,5	442,2					
12.2	Điểm trường thôn Phước Nhơn, xã Phổ Nhơn	2.637,0	213,3	213,3	Giấy CNQSD đất số BA 849137 ngày 06/4/2010	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
12.3	Điểm trường thôn An Tây Diên, xã Phổ Nhơn	1.514,0	106,7	106,7	Giấy CNQSD đất số AP 898026 ngày 08/12/2009	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
13	Mầm non Phổ Phong	5.647,0	977,2	1.675,8					
	Dãy 4 phòng học Điểm trường thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong		211,3	422,7					
	Dãy 2 phòng học Điểm trường thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong		104,3	208,6					
13.1	Dãy nhà hiệu bộ và phòng chức năng Điểm trường thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong	4.031,0	191,5	383,0	Giấy CNQSD đất số BK569621 cấp ngày 16/10/2013	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Nhà bếp và nhà kho Điểm trường thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong		129,0	129,0					
	Dãy 4 phòng học Điểm trường thôn Hùng Nghĩa, xã Phổ Phong		191,4	382,8					
13.2	Nhà bếp Điểm trường thôn Hùng Nghĩa, xã Phổ Phong	1.616,0	149,7	149,7	Giấy CNQSD đất số BR047953 cấp ngày 14/10/2014	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14	Mầm non Phổ An	9.538,0	1.956,2	3.371,2					
	Dãy phòng học (khu A) Điểm trường Trung Tâm, đội 2, thôn An Thạch, xã Phổ An		487,2	487,2					
14.1	Dãy nhà hiệu bộ (khu B) Điểm trường Trung Tâm, đội 2, thôn An Thạch, xã Phổ An	4.776,0	202,5	405,0	Không có hồ sơ	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 14, thửa đất số 1162, 1256 và từ bản đồ số 22 thửa đất số 1, 2 của xã Phổ An
	Dãy phòng học (khu C) Điểm trường Trung Tâm, đội 2, thôn An Thạch, xã Phổ An		405,5	811,0					
14.2	Điểm trường thôn Hội An 1, xã Phổ An	2.409,0	405,5	811,0	Giấy CNQSD đất số A1749501 ngày 24/5/2007	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
14.3	Nhà tiếp học 4 phòng - 2 tầng Điểm trường Hòa Nam thôn An Thạch, xã Phổ An	2.353,0	401,5	803,0					
	Nhà bếp điểm trường Hòa Nam thôn An Thạch, xã Phổ An		54,0	54,0	Quyết định số 3280/QĐ-CT cấp ngày 30/10/1997	Dất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15	Mầm non Phổ Quang	5.196,0	1.103,0	1.935,0					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
15.1	Điểm trường Trung tâm (khu A) TDP Du Quang, phường Phò Quang	3.687,0	256,0	512,0	Trích lục tờ bản đồ số 8, thửa đất số 480 ngày 17/05/2017	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường Trung tâm (khu B) TDP Du Quang, phường Phò Quang		288,0	576,0					
	Điểm trường Trung tâm (khu C) TDP Du Quang, phường Phò Quang		144,0	144,0					
15.2	Điểm trường Trung tâm (khu D) TDP Du Quang, phường Phò Quang	800,0	127,0	127,0	Trích lục tờ bản đồ số 5, thửa đất số 60 ngày 03/11/2015	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
15.3	Điểm trường Vùng 9, TDP Phần Thất, phường Phò Quang	709,0	288,0	576,0	Giấy CNQSD đất số BĐ091657 cấp ngày 27/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
16	Tiểu học số 1 Phò Thanh	3.666,0	1.481,4	2.696,3					
16.1	Điểm trường trung tâm (khu A); TDP Thạch By 2, phường Phò Thanh	3.206,0	452,0	864,0	Giấy CNQSD đất số 00001-QSĐĐ/36-QĐ-UB cấp ngày 03/01/1998; Biên bản giao đất của Trường THCS Phò Thanh năm 2004	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường trung tâm (khu B); TDP Thạch By 2, phường Phò Thanh		432,0	864,0					
	Điểm trường trung tâm (khu C); TDP Thạch By 2, phường Phò Thanh		268,6	537,1					
	Điểm trường trung tâm (khu D); TDP Thạch By 2, phường Phò Thanh		128,0	128,0					
16.2	Điểm trường TDP Đồng Văn, phường Phò Thanh	460,0	200,8	303,2	Giấy CNQSD đất số T00707 cấp ngày 16/06/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
17	Tiểu học số 2 Phò Thanh	4.868,0	933,0	1.819,1					
17.1	Điểm trường Trung tâm 1, TDP Thạch By 1, phường Phò Thanh	2.600,0	413,0	826,5	Giấy CNQSD đất số T00052 cấp ngày 19/5/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường Trung tâm 2, TDP Thạch By 1, phường Phò Thanh		269,0	538,6					
17.2	Điểm trường TDP Thanh Đức 2, phường Phò Thanh	2.268,0	251,0	454,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
18	Tiểu học số 3 Phò Thanh	4.293,0	653,0	1.308,9					
18.1	Điểm trường Trung tâm 1, TDP Long Thanh 1, phường Phò Thanh	2.793,0	291,0	583,2	Giấy CNQSD đất số L730520 ngày 02/10/2000	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường Trung tâm 2, TDP Long Thanh 1, phường Phò Thanh		199,0	398,6					
18.2	Điểm trường TDP Thanh Đức 1, phường Phò Thanh	1.500,0	163,0	327,1	Giấy CNQSD đất số AD215264 ngày 14/4/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19	Tiểu học Phò Khánh	15.509,0	1.782,6	3.351,2					
19.1	Điểm trường Trung tâm (dãy nhà A), thôn Trung Sơn, xã Phò Khánh	6.256,0	204,1	408,2	Giấy CNQSD đất số T-00943 ngày 15/11/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường Trung tâm (dãy nhà B), thôn Trung Sơn, xã Phò Khánh		366,4	732,7					
	Điểm trường Trung tâm (dãy nhà C), thôn Trung Sơn, xã Phò Khánh		436,0	872,0					
	Điểm trường thôn Diên Trường, xã Phò Khánh		310,3	620,5					
19.2	Điểm trường xóm 17 thôn Trung Hải, xã Phò Khánh	4.502,0	213,8	213,8	Giấy CNQSD đất số T-00899 ngày 08/10/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
19.4	Điểm trường Trung tâm, thôn Phước Điền, xã Phò Khánh	2.588,0	252,0	504,0	Giấy CNQSD đất số T-00048 ngày 14/11/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà		5					
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
1	2	3	4a	4b		6	7	8	9	
20	Tiểu học Phố Cường	15.361,5	1.864,4	3.574,2						
20.1	Điểm trường trung tâm (khu A) thôn Nga Mãn, xã Phố Cường		528,0	1.056,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	Trích lục tờ bản đồ số 30, số thửa đất 388 của xã Phố Cường	
	Điểm trường trung tâm (khu B) thôn Nga Mãn, xã Phố Cường	7.017,0	288,0	576,0						
	Điểm trường trung tâm (Nhà hiệu bộ khu C) thôn Nga Mãn, xã Phố Cường		282,0	555,8						
	Điểm trường thôn Mỹ Trang, xã Phố Cường (khu A)		400,0	800,0						
20.2	Điểm trường thôn Mỹ Trang, xã Phố Cường (khu B)	8.344,5	366,4	586,4	Giấy CNQSD đất số BK 646246 ngày 24/12/2012	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
21	Tiểu học Phố Vinh	16.672,0	1.787,0	3.084,0						
21.1	Dãy 8 phòng học (khu A) Điểm trường TDP Trung Lý, phường Phố Vinh		467,0	934,0	Giấy CNQSD đất số AE235889 ngày 22/6/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
	Dãy 10 phòng học (khu B) Điểm trường TDP Trung Lý, phường Phố Vinh		571,0	1.142,0						
	Dãy 2 phòng học (khu A1) Điểm trường TDP Trung Lý, phường Phố Vinh	4.925,0	105,0	105,0						
	Dãy 2 phòng học (khu B1) Điểm trường TDP Trung Lý, phường Phố Vinh		105,0	105,0						
	Dãy 4 phòng học (Điểm trường TDP) Nam Phước, phường Phố Vinh	4.300,0	259,0	518,0						
21.3	Dãy 5 phòng học (Điểm trường TDP) Lộc An, phường Phố Vinh	7.447,0	280,0	280,0	Giấy CNQSD đất số AL343183 ngày 04/4/2008	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
22	Tiểu học Nguyễn Nghiêm	8.032,0	1.914,8	3.034,8						
22.1	3 Phòng nhà hiệu bộ (khu A) Cơ sở 1, số 55 Nguyễn Nghiêm, tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm		288,0	288,0	Giấy CNQSD đất số AB215175 ngày 16/01/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
	4 phòng học - 2 tầng (khu B) Cơ sở 1, số 55 Nguyễn Nghiêm, tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm		256,0	512,0						
	8 phòng học - 2 tầng (khu C) Cơ sở 1, số 55 Nguyễn Nghiêm, tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm	5.772,0	256,0	512,0						
	Nhà ăn bán trú (khu D) Cơ sở 1, số 55 Nguyễn Nghiêm, tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm		249,1	249,1						
	Nhà bếp bán trú (khu D) Cơ sở 1, số 55 Nguyễn Nghiêm, tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm		65,7	65,7						
	Phòng máy vi tính (khu E) Cơ sở 1, số 55 Nguyễn Nghiêm, tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm		128,0	256,0						
	Cơ sở 2 (khu G), số 112 Đỗ Quang Thắng, tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm	2.260,0	480,0	960,0						
22.2	Cơ sở 2 (khu H), số 112 Đỗ Quang Thắng, tổ dân phố 2, phường Nguyễn Nghiêm		192,0	192,0	Giấy CNQSD đất số AB215194 cấp ngày 16/01/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
23	Tiểu học Phố Ninh	9.652,0	1.513,8	2.764,9						
	Điểm trường trung tâm (khu A), TDP An Trường, phường Phố Ninh		304,0	608,0						

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
23.1	Điểm trường trung tâm (khu B), TDP An Trường, phường Phố Ninh	3.876,0	332,4	538,6	Giấy CNQSD đất số Q352729 cấp ngày 28/04/2000 và Giấy CNQSD đất số AB301647 cấp ngày 31/08/2005	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường trung tâm (khu C), TDP An Trường, phường Phố Ninh		339,4	670,3					
	Điểm trường trung tâm (khu D), TDP An Trường, phường Phố Ninh		128,0	128,0					
	Điểm trường TDP An Ninh, phường Phố Ninh	3.866,0	154,0	308,0	Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 17/7/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
23.4	Điểm trường TDP Lô Bàn, phường Phố Ninh	1.910,0	256,0	512,0	Giấy CNQSD đất số AI 776689 cấp ngày 20/11/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24	Tiểu học Phố Ván	16.594,0	1.924,2	3.279,5					
24.1	Dãy 8 phòng Điểm trường lẻ, TDP Đồng Quang, phường Phố Ván	5.465,0	384,0	768,0	Giấy CNQSD đất số T00003 cấp ngày 01/10/1999	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy 6 phòng Điểm trường lẻ, TDP Đồng Quang, phường Phố Ván		333,7	538,8					
24.2	Điểm trường lẻ, TDP Văn Trường, phường Phố Ván	2.049,0	288,0	288,0	Giấy CNQSD đất số T00004 cấp ngày 01/10/1999	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
24.3	Điểm trường Trung tâm (Dãy 14 phòng), TDP Tập An Nam, phường Phố Ván	9.080,0	490,0	980,0	Giấy CNQSD đất số T00004 cấp ngày 11/4/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường Trung tâm (Dãy 3 phòng), TDP Tập An Nam, phường Phố Ván		144,0	144,0					
	Điểm trường Trung tâm (Dãy nhà hiệu bộ), TDP Tập An Nam, phường Phố Ván		284,5	560,7					
	Tập An Nam, phường Phố Ván	13.208,3	1.750,9	2.853,6					
25.1	Điểm trường thôn Vùng 5, xã Phố Thuận (Khu giáo dục thể chất)	1.518,3			Giấy CNQSD đất số AG451695 cấp ngày 16/11/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25.2	Điểm trường thôn Vùng 5, xã Phố Thuận (khu A)	3.636,0	289,6	571,0	Giấy CNQSD đất số U828512 cấp ngày 29/3/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường thôn Vùng 5, xã Phố Thuận (khu B)		280,5	561,0					
	Điểm trường thôn Vùng 5, xã Phố Thuận (khu C)		238,7	361,9					
25.3	Điểm trường thôn Vùng 4, xã Phố Thuận	3.124,0	200,0	200,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25.4	Điểm trường thôn An Định, xã Phố Thuận	1.073,0	250,0	250,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
25.5	Điểm trường thôn Kim Giao, xã Phố Thuận (khu A)	3.857,0	276,4	552,8	Giấy CNQSD đất số U721246 cấp ngày 22/5/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường thôn Kim Giao, xã Phố Thuận (khu A)		215,7	356,9					
26	Tiểu học Phố Nhơn	10.303,0	1.247,3	2.238,5					
26.1	Điểm trường Trung tâm (Khu A), thôn Phước Lợi, xã Phố Nhơn	6.233,0	256,0	256,0	Giấy CNQSD đất số AG451746 cấp ngày 02/3/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường Trung tâm (Khu B), thôn Phước Lợi, xã Phố Nhơn		238,0	476,0					
	Điểm trường Trung tâm (Khu C), thôn Phước Lợi, xã Phố Nhơn		261,0	522,0					
	Điểm trường Trung tâm (Khu D), thôn Phước Lợi, xã Phố Nhơn		275,5	551,0					
26.2	Điểm trường Trung tâm, Phước Nhơn, Phố Nhơn, Đức Phố	4.070,0	216,8	433,5	Giấy CNQSD đất số AG451744 cấp ngày 02/3/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sân					
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn						
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9	
27	Tiểu học Phố Phong	8.704,0	1.421,4	2.576,0						
	Dãy 6 phòng học, Điểm Trung tâm (Khu A), thôn Tân Phong, xã Phố Phong		168,0	336,0						
	Dãy 4 phòng học, Điểm Trung tâm (Khu B), thôn Tân Phong, xã Phố Phong		184,9	369,8						
27.1	Dãy nhà hiệu bộ Điểm Trung tâm (Khu C), thôn Tân Phong, xã Phố Phong	4.944,0	287,0	582,0	Giấy CNQSD đất số U721232 cấp ngày 22/5/2002; Bàng giải trình về việc xác nhận diện tích Trường	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
	Tân Phong, xã Phố Phong		224,0	448,0						
	Dãy 8 phòng học, Điểm Trung tâm (Khu D), thôn Tân Phong, xã Phố Phong		266,9	549,6						
	Dãy 6 phòng học, Điểm Trung tâm (Khu E), thôn Tân Phong, xã Phố Phong									
27.2	Điểm Trung tâm (Khu giáo dục thể chất), thôn Tân Phong, xã Phố Phong	770,0			Giấy CNQSD đất số U721232 cấp ngày 22/5/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
27.3	Điểm trường thôn Hiệp An, xã Phố Phong	1.950,0	145,3	145,3		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
27.4	Điểm trường thôn Vinh Xuân, xã Phố Phong	1.040,0	145,3	145,3		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
28	Tiểu học Phố An	9.506,0	784,0	1.568,0						
	Dãy 6 phòng - 2 tầng, Điểm trường Hội An 2 (Trung tâm Khu A), thôn Hội An, xã Phố An		168,0	336,0	Giấy CNQSD đất số A1434499 ngày 24/5/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
28.1	Điểm trường Hội An 2 (Trung tâm Khu B), thôn Hội An, xã Phố An	6.120,0	224,0	448,0						
	Dãy 6 phòng - 2 tầng, Điểm trường Hội An 2 (Trung tâm Khu C), thôn Hội An, xã Phố An		168,0	336,0						
28.2	Dãy 8 phòng học, Điểm trường thôn An Thới, xã Phố An	3.386,0	224,0	448,0	Giấy CNQSD đất số A1776702 ngày 19/7/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
29	Tiểu học Phố Quang	8.248,0	1.454,7	2.454,1						
	Điểm trường trung tâm (khu A), TDP Du Quang, phường Phố Quang		256,0	512,0	Giấy CNQSD đất số T00019 cấp ngày 11/4/2001	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
	Điểm trường trung tâm (khu B), TDP Du Quang, phường Phố Quang		360,6	556,6						
29.1	Điểm trường trung tâm (khu C), TDP Du Quang, phường Phố Quang	6.066,0	250,0	479,0						
	Điểm trường trung tâm (khu D), TDP Du Quang, phường Phố Quang		332,1	650,5						
	Điểm trường TDP Hải Tân, phường Phố Quang	2.182,0	256,0	256,0						
30	TH và THCS Phố Châu	12.256,4	1.332,7	2.521,5						
	Điểm trường Trung tâm khu A (THCS), thôn Châu Mè, xã Phố Châu		248,3	496,6	Giấy CNQSD đất số AE235826 cấp ngày 19/5/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
30.1	Điểm trường Trung tâm khu B (THCS), thôn Châu Mè, xã Phố Châu	6.145,4	475,9	951,9						
	Điểm trường Trung tâm (khu A), thôn Châu Mè, xã Phố Châu		184,3	368,6						
30.2	Điểm trường Trung tâm (khu B), thôn Châu Mè, xã Phố Châu	3.868,0	184,2	368,4	QĐ số 534/QĐ-CT ngày 25/3/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		
30.3	Điểm trường thôn Vinh Tuy, xã Phố Châu	1.824,0	96,0	192,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng		

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
30.4	Điểm trường thôn Tấn Lộc, xã Phổ Châu	419,0	144,0	144,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
31	THCS Phổ Thạnh	8.360,0	1.681,6	3.272,4					
	Dãy phòng học khu A, TDP Thạch By 1, phường Phổ Thanh		726,3	1.452,6					
	Dãy phòng học khu B, TDP Thạch By 1, phường Phổ Thanh		324,0	648,0					
31.1	Dãy phòng học khu C, TDP Thạch By 1, phường Phổ Thanh	8.360,0	335,7	671,4	Giấy CNQSD đất số T00054 cấp ngày 19/05/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy nhà hiệu bộ, TDP Thạch By 1, phường Phổ Thanh		204,8	409,6					
	Dãy nhà thư viện, TDP Thạch By 1, phường Phổ Thanh		90,8	90,8					
32	THCS Phổ Khánh	13.183,8	1.011,3	2.022,7					
	Dãy 12 phòng - khu A, thôn Trung Sơn, xã Phổ Khánh		457,9	915,8					
32.1	Dãy 8 phòng - khu B, thôn Trung Sơn, xã Phổ Khánh	6.883,8	320,5	641,1	Giấy CNQSD đất số T01088 cấp ngày 23/7/2008	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy 6 phòng - khu C, thôn Trung Sơn, xã Phổ Khánh		232,9	465,8					
32.2	Khu Giáo dục thể chất, thôn Trung Sơn, xã Phổ Khánh	6.300,0			Giấy CNQSD đất số T01171 cấp ngày 17/11/2008	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
33	THCS Phổ Cường	8.374,0	1.024,0	2.048,0					
	Dãy phòng 1, thôn Nga Mán - xã Phổ Cường		256,0	512,0					
33.1	Dãy phòng 2, thôn Nga Mán - xã Phổ Cường	8.374,0	320,0	640,0	Quyết định số 35/QĐ-CT ngày 03/1/1998 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Dãy phòng 3, thôn Nga Mán - xã Phổ Cường		192,0	384,0					
	Dãy phòng 4, thôn Nga Mán - xã Phổ Cường		256,0	512,0					
34	TH và THCS Phổ Hòa	15.203,3	1.451,3	2.902,6					
	Điểm trường trung tâm Tiểu học (khu A), TDP An Thường, phường Phổ Hòa		200,0	400,0					
34.1	Điểm trường trung tâm Tiểu học (khu B), TDP An Thường, phường Phổ Hòa	7.380,6	100,0	200,0	Giấy CNQSD đất số CG987265 cấp ngày 22/06/2017	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường trung tâm Tiểu học (khu C), TDP An Thường, phường Phổ Hòa		206,3	412,6					
	Điểm trường trung tâm THCS (khu A), TDP An Thường, phường Phổ Hòa		150,0	300,0					
34.2	Điểm trường trung tâm THCS (khu B), TDP An Thường, phường Phổ Hòa	7.822,7	300,0	600,0	Giấy CNQSD đất số CG987266 cấp ngày 22/06/2017	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	Điểm trường trung tâm THCS (khu C), TDP An Thường, phường Phổ Hòa		495,0	990,0					
35	THCS Phổ Vĩnh	13.174,0	1.583,7	2.405,9					
	Dãy 10 phòng học (khu A), TDP Trung Lý, phường Phổ Vĩnh		375,0	750,0					
	Dãy 2 phòng học (khu A1), TDP Trung Lý, phường Phổ Vĩnh		79,0	156,8					
35.1	Nhà hiệu bộ và phòng chức năng (khu B), TDP Trung Lý, phường Phổ Vĩnh	13.174,0	214,0	319,0	Giấy CNQSD đất số T00279 ngày 14/11/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà Diện tích sàn sử dụng					
1	2 Dãy 4 phòng học (khu C), TDP Trung Lý, phường Phố Vĩnh Dãy 6 phòng học (khu D), TDP Trung Lý, phường Phố Vĩnh Khu bể bơi, TDP Trung Lý, phường Phố Vĩnh	3	4a 220,7 146,0 549,0	4b 339,1 292,0 549,0	5	6	7	8 vùng	9
36	TH và THCS Phố Minh Điểm trường THCS (khu A), TDP 2, phường Phố Minh Điểm trường THCS (khu B), TDP 2, phường Phố Minh Điểm trường THCS (khu C), TDP 2, phường Phố Minh	13.022,0	2.288,9	4.577,7					
36.1	Điểm trường THCS (khu B), TDP 2, phường Phố Minh Điểm trường THCS (khu C), TDP 2, phường Phố Minh	6.066,0	626,6 497,0	1.253,2 994,0	Giấy CNQSD đất số CB107981 ngày 13/04/2016	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
36.2	Điểm trung tâm TH, (khu D), TDP 2, phường Phố Minh Điểm trung tâm TH, (khu D), TDP 2, phường Phố Minh	6.956,0	384,0 384,0	768,0 768,0	Giấy CNQSD đất: QĐ TL số 276/QĐ của Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 25/06/1989	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
37	THCS Nguyễn Nghiêm Dãy 8 phòng học (khu A), tổ dân phố 4, phường Nguyễn Nghiêm - Cờ số 1 Dãy 8 phòng học (khu B), tổ dân phố 4, phường Nguyễn Nghiêm - Cờ số 2 Dãy 8 phòng học (khu C), tổ dân phố 4, phường Nguyễn Nghiêm - Cờ số 3 Dãy nhà hiệu bộ (khu D), tổ dân phố 4, phường Nguyễn Nghiêm - Cờ số 4	10.636,0	1.370,0 238,0 495,0 392,0	2.740,0 476,0 990,0 784,0	- Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đức Phổ - Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
38	THCS Phố Ninh Dãy 6 phòng học (khu A), Trường THCS Phố Ninh, TDP An Trường, phường Phố Ninh Dãy 6 phòng học (khu B), Trường THCS Phố Ninh, TDP An Trường, phường Phố Ninh	7.681,0	852,6 298,6 290,0	1.192,0 492,0 436,0	Giấy CNQSD đất số A1776727 ngày 13/7/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
39	THCS Phố Vân Dãy phòng học (khu A) Trường THCS Phố Vân, TDP Tập An Nam, phường Phố Vân Dãy phòng học (khu B) Trường THCS Phố Vân, TDP Tập An Nam, phường Phố Vân Dãy phòng học (khu C) Trường THCS Phố Vân, TDP Tập An Nam, phường Phố Vân Dãy nhà hiệu bộ Trường THCS Phố Vân, TDP Tập An Nam, phường Phố Vân	7.383,0	1.951,3 731,0 493,0 399,7	3.618,8 1.462,0 986,0 654,9	Giấy CNQSD đất số A1 434423, cấp ngày 11/4/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
40	THCS Phố Thuận Dãy phòng khu A Trường THCS Phố Thuận, thôn Vùng 5, xã Phố Thuận Dãy phòng khu B Trường THCS Phố Thuận, thôn Vùng 5, xã Phố Thuận	10.064,0	1.483,2 352,8 588,0	3.011,4 750,6 1.176,0					

QĐ số 3201/QĐ-TTB ngày 07/9/2001 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, diện tích:

Đất cơ sở giáo dục

Đang sử dụng

Giữ lại tiếp tục sử

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà	Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	4b	5	6	7	8	9
40.1	Dãy phòng khu C Trường THCS Phố Thuận, thôn Vùng 5, xã Phố Thuận Nhà thư viện Trường THCS Phố Thuận, thôn Vùng 5, xã Phố Thuận	10.000,0	470,4		940,8	Của UBND tỉnh Quảng Ngãi, quyết định: 7.164 m2; Chưa có, diện tích: 2.900m2	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	dùng	
41	THCS Phố Nhơn	9.184,0	781,8		1.563,6					
41.1	Trường THCS Phố Nhơn (khu A) thôn Phước Lợi, xã Phố Nhơn Trường THCS Phố Nhơn (khu B) thôn Phước Lợi, xã Phố Nhơn Trường THCS Phố Nhơn (khu C) thôn Phước Lợi, xã Phố Nhơn	9.184,0	245,1 291,6 245,1	490,2 583,2 490,2		Giấy CNQSD đất số T00009 cấp ngày 24/2/2000	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
42	THCS Phố Phong	16.800,0	1.154,7		2.299,2					
42.1	Dãy 10 phòng học (khu A), thôn Hùng Nghĩa, xã Phố Phong Dãy 8 phòng học phía Đông (khu B), thôn Hùng Nghĩa, xã Phố Phong Dãy 8 phòng học phía Tây (khu C), thôn Hùng Nghĩa, xã Phố Phong Dãy nhà hành chính quản trị (khu D), thôn Hùng Nghĩa, xã Phố Phong	16.800,0	352,5 256,0 280,0 266,2	705,0 512,0 560,0 522,2		Giấy CNQSD đất số S422967 cấp ngày 03/5/2001	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
43	THCS Phố An	5.458,0	971,9		1.768,8					
43.1	Dãy 10 phòng học (khu A), thôn An Thạch, xã Phố An Dãy nhà hiệu bộ (khu B), thôn An Thạch, xã Phố An Dãy 8 phòng học (khu C), thôn An Thạch, xã Phố An	5.458,0	341,5 230,6 399,8	683,0 435,4 650,4		Giấy CNQSD đất T00074 cấp ngày 22/4/2004, diện tích: 5458 m2; Chưa có, diện tích 3.764 m2	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
44	THCS Phố Quang	11.600,0	918,5		1.819,1					
44.1	Dãy 08 phòng học (khu A) Trường THCS Phố Quang, TDP Du Quang, phường Phố Quang Dãy nhà làm việc (khu B) Trường THCS Phố Quang, TDP Du Quang, phường Phố Quang Dãy 06 phòng học (khu C) Trường THCS Phố Quang, TDP Du Quang, phường Phố Quang Dãy 04 phòng học (khu D) Trường THCS Phố Quang, TDP Du Quang, phường Phố Quang	11.600,0	256,0 160,0 296,0 206,5	512,0 320,0 574,0 413,1		Giấy CNQSD đất T116489 cấp ngày 25/5/2001, diện tích: 5.320 m2; Chưa có số đo, diện tích 6.280 m2	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	Giữ lại tiếp tục sử dụng	
	TỔNG CỘNG	815.601,1	92.252,2		144.924,9					

Phụ lục số 02

PHƯƠNG AN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ

HÌNH THỨC: ĐIỀU CHUYỂN

(Kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sân sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
1	Đơn vị sự nghiệp	10.858,0	586,0	586,0					
1	Mầm non Phố Thạnh	449,0	0,0	0,0					
1.1	Điểm trường TDP Long Thành 1, phường Phố Thạnh	449,0			Giấy CNQSD đất số AB301609 ngày 10/6/2005 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Điều chuyển cho phường Phố Thạnh quản lý, sử dụng	Đã xây dựng nhà văn hóa TDP Long Thành 1, phường Phố Thạnh
2	Mầm non Phố Khánh	1.253,0	180,0	180,0					
2.1	Điểm trường Phước Diên, thôn Phước Diên, xã Phố Khánh	1.253,0	180,0	180,0	Giấy CNQSD đất số BE059197 ngày 27/06/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Điều chuyển cho xã Phố Khánh quản lý, sử dụng	
3	Mầm non Phố Ninh	415,0	0,0	0,0					
3.1	Điểm trường đội 3 TDP An Trường, phường Phố Ninh	415,0			Giấy CNQSD đất số 938951 ngày 28/7/2004	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Điều chuyển cho phường Phố Ninh quản lý, sử dụng	Xây dựng nhà văn hóa TDP An Trường, phường Phố Ninh
4	Mầm non Phố Hòa	383,0	50,0	50,0					
4.1	Điểm trường Gò Mít, TDP An Trường, phường Phố Hòa	383,0	50,0	50,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Điều chuyển cho phường Phố Hòa quản lý, sử dụng	Có diện tích sân 50m ² nhà sinh hoạt Gò Mít, TDP An Trường, phường Phố Hòa; Trích lục từ bản đồ số 14, thửa đất số 12 của phường Phố Hòa
5	Mầm non Phố Phong	1.614,0	60,0	60,0					
5.1	Điểm trường thôn Vạn Trung, xã Phố Phong (Trung Liêm cũ)	453,0	60,0	60,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Điều chuyển cho xã Phố Phong quản lý, sử dụng	Trích lục từ bản đồ số 4, thửa đất số 57 xã Phố Phong
5.2	Điểm trường thôn Gia An, xã Phố Phong	649,0			Giấy CNQSD đất số BO515069 cấp ngày 27/9/2013	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Điều chuyển cho xã Phố Phong quản lý, sử dụng	Xây nhà văn hóa thôn Gia An, xã Phố Phong
5.3	Điểm trường thôn Hiệp An, xã Phố Phong	512,0			Giấy CNQSD đất số BO515070 cấp ngày 27/9/2013	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Điều chuyển cho xã Phố Phong quản lý, sử dụng	Xây nhà văn hóa, thôn Hiệp An, xã Phố Phong
6	Mầm non Phố An	1.690,0	0,0	0,0					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sân sử dụng					
			Diện tích xây dựng	Diện tích						
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9	
6.1	Điểm trường đội 1, thôn Hội An 2, xã Phố An	825,0			Giấy CNQSD đất số BE 059207 30/06/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Điều chuyển cho xã Phố An quản lý, sử dụng	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hội An 2, xã Phố An	
6.2	Điểm trường đội 10, thôn An Thạch, xã Phố An	865,0			Giấy CNQSD đất số AB 301629 30/08/2005	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Điều chuyển cho xã Phố An quản lý, sử dụng	Xây dựng bi di tích xã Phố An	
7	Tiểu học Phố Khánh	1.406,0	168,0	168,0						
7.1	Điểm trường thôn Quy thiện, xã Phố Khánh	1.406,0	168,0	168,0	Giấy CNQSD đất số T-00048 ngày 14/11/2002	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Điều chuyển cho xã Phố Khánh quản lý, sử dụng		
8	Tiểu học Phố Ninh	560,0	0,0	0,0						
8.1	Điểm trường đội 5,6 TDP Lộ Bàn, phường Phố Ninh	560,0			Giấy CNQSD đất số 352731 ngày 28/4/2000	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Điều chuyển cho phường Phố Ninh quản lý, sử dụng	Xây dựng nhà văn hóa TDP Lộ Bàn, phường Phố Ninh	
9	Tiểu học Phố Quang	3.088,0	128,0	128,0						
9.1	Điểm trường TDP Du Quang, phường Phố Quang	500,0			Giấy CNQSD đất số T00019 cấp ngày 11/4/2001	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Điều chuyển cho phường Phố Quang quản lý, sử dụng	Xây dựng nhà văn hóa TDP Du Quang, phường Phố Quang	
9.2	Điểm trường TDP Bàn An, phường Phố Quang	2.588,0	128,0	128,0	Giấy CNQSD đất số T00019 cấp ngày 11/4/2001	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Điều chuyển cho phường Phố Quang quản lý, sử dụng	Xây dựng nhà văn hóa TDP Bàn An, phường Phố Quang	
	TỔNG CỘNG	10.858,0	586,0	586,0						

Phụ lục số 03

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ ĐỨC PHỐ
HÌNH THỨC BÁN TÀI SẢN TRÊN ĐẤT, CHUYÊN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
 (Kèm theo Quyết định số **1627**/QĐ-UBND ngày **18** /10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sân sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
1	Đơn vị sự nghiệp	3.286,0	0,0	0,0					
1	BQL dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã	3.286,0	0,0	0,0					
1.1	Trường Tiểu học số 2 Phố Vần, TDP Tập An Nam, phường Phố Vần	1.950,0			Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, thu hồi đất	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
1.2	Trường Tiểu học số 2 Phố Vần, TDP Tập An Bắc, phường Phố Vần	1.336,0			Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, thu hồi đất	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
II	UBND các xã, phường	4.132,0	643,2	643,2					
I	UBND xã Phố Thuận	406,0	193,0	193,0					
1.1	Nhà đối Thuế xã Phố Thuận	100,0	44,0	44,0	QĐ số 2014/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của UBND huyện bàn giao cho xã quản lý	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thanh tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục từ bản đồ số 14, thửa đất số 196 xã Phố Thuận
1.2	Cửa hàng mua bán xã Phố Thuận (cũ)	306,0	149,0	149,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục từ bản đồ số 14, số thửa đất 100, 101, 102 xã Phố Thuận
2	UBND phường Phố Minh	65,0	32,0	32,0					
2.1	Nhà đối thuế xã Phố Minh	65,0	32,0	32,0	QĐ số 339/QĐ-UBND ngày 03/2/2015 của UBND huyện điều chuyển cho UBND phường quản lý, sử dụng	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thanh tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục từ bản đồ số 9, thửa đất số 626 của phường Phố Minh
3	UBND xã Phố Phong	90,0	40,0	40,0					
3.1	Nhà Đối Thuế xã Phố Phong	90,0	40,0	40,0	QĐ số 2014/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của UBND huyện Đức Phố điều chuyển cho UBND xã quản lý, sử dụng	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thanh tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục từ bản đồ số 21, thửa đất số 1098 xã Phố Phong
4	UBND xã Phố Châu	96,0	0,0	0,0					
4.1	Nhà Đối thuế xã Phố Châu	96,0			QĐ số 5608/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND huyện Đức Phố điều chuyển cho UBND xã quản lý, sử dụng	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thanh tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục từ bản đồ số 24, thửa đất số 80 của xã Phố Châu
5	UBND phường Phố Vinh	210,0	0,0	0,0					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Nhà					
		3	4a	4b	5	6	7	8	9
5.1	Nhà Đội thuế xã Phố Vinh	210,0			QĐ số 3338/QĐ-UBND ngày 03/2/2015 của UBND huyện Đức Phổ điều chuyển cho UBND xã quản lý, sử dụng	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thành tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục tờ bản đồ số 18, thửa đất số 374 của phường Phố Vinh
6	UBND xã Phố Khánh	1.465,0	220,0	220,0					Thực hiện theo Kết luận thành tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục tờ bản đồ số 26, số thửa đất 160, xã Phố Khánh
6.1	Cửa hàng ăn uống của Hợp tác xã xã Phố Khánh (cũ)	1.465,0	220,0	220,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7	UBND phường Nguyễn Nghiễm	1.470,0	98,2	98,2	Giấy CNQSD đất số AĐ215168 cấp ngày 06/01/2006	Đất cơ sở văn hóa	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7.1	Nhà văn hóa TDP4 (cũ), phường Nguyễn Nghiễm	564,0							
7.2	Phần diện tích đất cửa hàng ăn uống của Thị trấn Đức Phổ (cũ)	300,0			Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thành tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục tờ bản đồ số 20, thửa đất số 159 của Phường Nguyễn Nghiễm
7.3	Cửa hàng mua bán của Thị trấn Đức Phổ (cũ)	132,0	98,2	98,2	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thành tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục tờ bản đồ số 26, thửa đất số 114 của Phường Nguyễn Nghiễm
7.4	Nhà máy nước đá của Xi nghiệp nước đá Đức Phổ (cũ)	474,0			Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thành tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục tờ bản đồ số 31, thửa đất số 118 của Phường Nguyễn Nghiễm
8	UBND phường Phố Ninh	330,0	60,0	60,0					
8.1	Cửa hàng ăn uống của Hợp tác xã xã Phố Ninh (cũ)	330,0	60,0	60,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Thực hiện theo Kết luận thành tra số 05/KL-UBND ngày 07/6/2019 của CT UBND tỉnh; Trích lục Tờ bản đồ số 13, số thửa đất 667, theo bản đồ năm 1999
III	Các trường học	98.823,5	4.968,8	5.582,7					
I	Mầm non Phố Châu	1.064,0	61,0	61,0					
1.1	Điểm trường thôn Hưng Long, xã Phố Châu	1.064,0	61,0	61,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục tờ bản đồ số 31, thửa đất số 36 của xã Phố Châu
2	Mầm non Phố Thạnh	493,6	216,0	216,0					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
2.1	Điểm trường TDP La Văn, phường Phố Thành	193,6	168,0	168,0	Giấy CNQSD đất số BE059874 ngày 05/12/2011 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
2.2	Điểm trường TDP Tân Diêm, phường Phố Thành	300,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số BE059873 ngày 05/12/2011 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
3	Mầm non Phố Khánh	3.722,4	388,8	388,8	Giấy CNQSD đất số BE059194 ngày 27/06/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
3.1	Điểm trường Diên Trường A, thôn Diên Trường, xã Phố Khánh	340,0	70,2	70,2	Giấy CNQSD đất số BE059193 ngày 27/06/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
3.2	Điểm trường Diên Trường B, thôn Diên Trường, xã Phố Khánh	757,0	38,5	38,5	Giấy CNQSD đất số BE059196 ngày 27/06/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
3.3	Điểm trường Vĩnh An, thôn Vĩnh An, xã Phố Khánh	379,0	49,7	49,7	Giấy CNQSD đất số BE059195 ngày 27/06/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
3.4	Điểm trường Phú Long, thôn Phú Long, xã Phố Khánh	941,0	180,0	180,0	Giấy CNQSD đất số BE059198 ngày 27/06/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
3.5	Điểm trường Trung Hải, thôn Trung Hải, xã Phố Khánh	1.305,4	50,4	50,4	Giấy CNQSD đất số BK849276 cấp ngày 27/06/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
4	Mầm non Phố Cường	843,0	50,0	50,0	Giấy CNQSD đất số BK849276 cấp ngày 11/6/2010	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
4.1	Điểm trường cơ sở 3, thôn Thủy Thạch, xã Phố Cường	843,0	50,0	50,0	Giấy CNQSD đất số BK849276 cấp ngày 11/6/2010	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
5	Mầm non Phố Hòa	3.096,0	250,2	250,2		Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
5.1	Điểm trường TDP Hiền Văn, phường Phố Hòa (khu A)	766,0	30,0	30,0	Giấy CNQSD đất số AD215252 cấp ngày 11/4/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
5.2	Điểm trường TDP An Thường, phường Phố Hòa (khu B)	643,0	50,0	50,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục từ bản đồ số 8, thửa đất số 833 của phường Phố Hòa
5.3	Điểm trường Đội 11, TDP An Thường, phường Phố Hòa (khu C)	382,0	50,0	50,0	Giấy CNQSD đất số AD215254 cấp ngày 11/4/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
5.4	Điểm trường Đội 2 TDP An Thường, phường Phố Hòa (khu D)	625,0	50,0	50,0	Giấy CNQSD đất số AD215253 cấp ngày 11/4/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
5.5	Điểm trường lẻ TDP Hòa Thành, phường Phố Hòa (khu G)	680,0	70,2	70,2	Giấy CNQSD đất số AB301653 cấp ngày 31/8/2005	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
6	Mầm non Phố Vĩnh	6.029,4	145,0	145,0		Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
6.1	Điểm trường Lộc An, TDP Lộc An, phường Phố Vĩnh	4.123,0	51,0	51,0	Giấy CNQSD đất số AP 887285 cấp ngày 27/11/2009	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
6.2	Điểm trường Khánh Bắc, TDP Khánh Bắc, phường Phố Vĩnh	427,4	47,0	47,0	Giấy CNQSD đất số AP887288 cấp ngày 01/12/2009	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
6.3	Điểm trường Phi Hiền, TDP Phi Hiền, phường Phố Vĩnh	1.479,0	47,0	47,0	Giấy CNQSD đất số AP 887286 cấp ngày 27/11/2009	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7	Mầm non Phố Minh	4.909,0	48,0	48,0		Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7.1	Điểm trường Tân Tự 2, TDP 1, phường Phố Minh	406,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số T00936 cấp ngày 12/11/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao/cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích Nhà					
		3	4a	4b		6	7	8	9
1	2				5				
7.2	Điểm trường Lâm An, TDP 3, phường Phố Minh	1.920,0			Giấy CNQSD đất số T00888 cấp ngày 08/10/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7.3	Điểm trường Tân Mỹ, TDP 3, phường Phố Minh	265,0			Giấy CNQSD đất số T00910 cấp ngày 22/10/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7.4	Điểm trường Tân Bình, TDP 1, phường Phố Minh	542,0			Giấy CNQSD đất số T00911 cấp ngày 22/10/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7.5	Điểm trường Sa Bình, TDP 1, phường Phố Minh	401,0			Giấy CNQSD đất số T00937 cấp ngày 12/11/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
7.6	Điểm trường Trường Sanh, TDP 2, phường Phố Minh	1.375,0			Giấy CNQSD đất số T00909 cấp ngày 22/10/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
8	Mầm non Nguyễn Nghiêm	2.341,0	71,0	71,0	Giấy CNQSD đất số BE059702 cấp ngày 03/10/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
8.1	Điểm trường lê, đường Lý Thái Tổ, tổ dân phố 5, phường Nguyễn Nghiêm	1.270,0	71,0	71,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục từ bản đồ số 4, thửa đất số 493 của Phường Nguyễn Nghiêm
8.2	Điểm trường lê, đường Võ Tùng, tổ dân phố 4, phường Nguyễn Nghiêm	540,0							
8.3	Điểm trường lê, tổ dân phố 3, phường Nguyễn Nghiêm	531,0			Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục từ bản đồ số 24, thửa đất số 46 của Phường Nguyễn Nghiêm
9	Mầm non Phố Ninh	3.795,4	462,0	462,0					
9.1	Điểm trường đội 9, TDP An Ninh, phường Phố Ninh (CS 3)	448,0	222,0	222,0	Giấy CNQSD đất số 343156 ngày 3/3/2008	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
9.2	Điểm trường đội 1,2 TDP An trường, phường Phố Ninh	1.206,8	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số 343185 ngày 4/4/2008	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
9.3	Điểm trường đội 4 TDP An Trường, phường Phố Ninh	736,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số 938951 ngày 28/7/2004	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
9.4	Điểm trường đội 8 TDP An Ninh, phường Phố Ninh	426,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số 938951 ngày 28/7/2004	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
9.5	Điểm trường đội 1,2 TDP Thanh Lâm, phường Phố Ninh	416,6	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số 938951 ngày 28/7/2004	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
9.6	Điểm trường đội 3,4 TDP Thanh Lâm, phường Phố Ninh	562,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số 938951 ngày 28/7/2004	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
10	Mầm non Phố Văn	3.896,0	138,0	138,0					
10.1	Điểm trường TDP Tập An Nam 1, phường Phố Văn (khu E)	1.339,0	54,0	54,0	Giấy CNQSD đất số A1434416 ngày 19/04/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
10.2	Điểm trường TDP Văn Trường 1, phường Phố Văn (khu F)	552,0			Giấy CNQSD đất số A1434417 ngày 13/04/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
10.3	Điểm trường TDP Văn Trường 2, phường Phố Văn (khu G)	563,0			Giấy CNQSD đất số A1434413 ngày 19/04/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
10.4	Điểm trường TDP Tập An Bắc, phường Phố Văn (khu H)	700,0	42,0	42,0	Giấy CNQSD đất số A1434414 ngày 13/04/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
10.5	Điểm trường TDP Tập An Nam 2, phường Phố Văn (khu I)	742,0	42,0	42,0	Giấy CNQSD đất số A1434433 ngày 23/04/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
11	Mầm non Phố Thuận	2.779,0	122,0	122,0					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ³)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà							
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng						
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9	
11.1	Điểm trường thôn Mỹ Thuận, xã Phổ Thuận	502,0	80,0	80,0	Giấy CNQSD đất số AD 215231 cấp ngày 06/03/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
11.2	Điểm trường xóm 21, thôn Vũng 5, xã Phổ Thuận	430,0	42,0	42,0	Giấy CNQSD đất số AD215220 cấp ngày 06/03/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
11.3	Điểm trường thôn Vũng 4, xã Phổ Thuận	1.000,0			Giấy CNQSD đất số AD 215228 cấp ngày 06/03/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
11.4	Điểm trường thôn Thiệp Sơn, xã Phổ Thuận	847,0			Giấy CNQSD đất số AD 215227 cấp ngày 06/03/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
12	Mầm non Phổ Nhom	4.282,0	210,0	210,0						
12.1	Điểm trường thôn Phước Lợi, xã Phổ Nhom	726,0	54,0	54,0	Giấy CNQSD số AP 898024 ngày 08/12/2009	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
12.2	Điểm trường thôn Tân Sơn, xã Phổ Nhom	1.585,0	54,0	54,0	Giấy CNQSD số BA 849136 ngày 06/4/2010	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
12.3	Điểm trường thôn Nhom Bích, xã Phổ Nhom	289,0	54,0	54,0	Giấy CNQSD số AP 898023 ngày 08/12/2009	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
12.4	Điểm trường thôn Phước Nhom, xã Phổ Nhom	1.682,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD số AP 898023 ngày 08/12/2009	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
13	Mầm non Phổ Phong	2.845,9	70,2	70,2						
13.1	Điểm trường thôn Vĩnh Xuân, xã Phổ Phong	1.670,0	70,2	70,2	Giấy CNQSD đất số BR047066 cấp ngày 21/04/2015	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
13.2	Điểm trường thôn Tân Phong, xã Phổ Phong	588,0			Giấy CNQSD đất số BO515071 cấp ngày 27/9/2013	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
13.3	Điểm trường thôn Vạn Trung, xã Phổ Phong (Vạn lý cũ)	587,9			Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục tờ bản đồ số 41, thửa đất số 354 xã Phổ Phong	
14	Mầm non Phổ An	7.778,8	354,0	354,0						
14.1	Điểm trường, đội Xóm Quẩn Huân, thôn Hội An 1, xã Phổ An	665,0	30,0	30,0	Giấy CNQSD đất số BE O59209 30/06/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
14.2	Điểm trường Xóm An Thạch Bắc, thôn Hội An 1, xã Phổ An	192,0	42,0	42,0	Giấy CNQSD đất số BE O59315 30/06/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
14.3	Điểm trường đội 9, thôn An Thạch, xã Phổ An	124,0	30,0	30,0	Giấy CNQSD đất số BE O59207 30/06/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
14.4	Điểm trường đội 2, thôn An Thạch, xã Phổ An	149,0	30,0	30,0	Giấy CNQSD đất số BE O59206 30/06/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
14.5	Điểm trường đội 3, thôn An Thố, xã Phổ An	702,1	42,0	42,0	Giấy CNQSD đất số BEO59205 cấp ngày 30/06/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
14.6	Điểm trường đội 6, thôn An Thố, xã Phổ An	777,0	30,0	30,0	Giấy CNQSD đất số BEO59316 cấp ngày 30/06/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất		
14.7	Điểm trường đội 8, thôn An Thạch, xã Phổ An	324,7	30,0	30,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục tờ bản đồ số 21, thửa đất số 18 xã Phổ An	
14.8	Điểm trường đội 9, thôn An Thạch, xã Phổ An	329,0			Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục tờ bản đồ số 20, thửa đất số 20 xã Phổ An	
14.9	Điểm trường đội 2, thôn Hội An II, xã Phổ An	456,0	30,0	30,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục tờ bản đồ số 14, thửa đất số 817 xã Phổ An	
14.10	Điểm trường đội 5, thôn An Thố, xã Phổ An	1.707,0	30,0	30,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục tờ bản đồ số 35, thửa đất số 15 xã Phổ An	

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích Nhà					
		3	4a	4b	5	6	7	8	9
I	Điểm trường đội 7, thôn An Thổ, xã Phổ An	1.150,0	30,0	30,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục tờ bản đồ số 27, thửa đất số 735 xã Phổ An
14.11	Điểm trường đội 4, thôn An Thổ, xã Phổ An	1.203,0	30,0	30,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục tờ bản đồ số 31, thửa đất số 423 xã Phổ An
15	Mầm non Phổ Quang	3.229,0	436,8	436,8					
15.1	Điểm trường Vùng 1, TDP Hải Tân, phường Phổ Quang	335,0	96,0	96,0	Giấy CNQSD đất số BD091655 cấp ngày 26/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
15.2	Điểm trường Vùng 5, TDP Hải Tân, phường Phổ Quang	493,0	64,4	64,4	Giấy CNQSD đất số BD091656 cấp ngày 27/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
15.3	Điểm trường Vùng 7, TDP Bàn An, phường Phổ Quang	695,0	46,8	46,8	Giấy CNQSD đất số BD091659 cấp ngày 26/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
15.4	Điểm trường Vùng 4, TDP Du Quang, phường Phổ Quang	362,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số BD091661 cấp ngày 26/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
15.5	Điểm trường Vùng 6, TDP Bàn An, phường Phổ Quang	388,0	51,0	51,0	Giấy CNQSD đất số BD091660 cấp ngày 26/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
15.6	Điểm trường Vùng 8, TDP Bàn An, phường Phổ Quang	485,0	48,0	48,0	Giấy CNQSD đất số BD091658 cấp ngày 26/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
15.7	Điểm trường TDP Phan Thiết, phường Phổ Quang	471,0	82,6	82,6	Giấy CNQSD đất số BD091662 cấp ngày 26/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
16	Tiểu học số 3 Phổ Thanh	869,0	72,0	72,0					
16.1	Điểm trường Trung tâm (Ông Minh), TDP Long Thạnh 1, phường Phổ Thanh	479,0			Giấy CNQSD đất số AĐ215260 ngày 14/4/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
16.2	Điểm trường Tân Diêm, phường Phổ Thanh	390,0	72,0	72,0	Giấy CNQSD đất số AĐ215262 ngày 14/4/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
17	Tiểu học Phổ Khánh	5.394,0	138,7	138,7					
17.1	Điểm trường thôn Phú Long, xã Phổ Khánh	1.298,0	138,7	138,7	Giấy CNQSD đất số T-00900 ngày 08/10/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
17.2	Điểm trường xóm 18 thôn Trung Hải, xã Phổ Khánh	2.128,0			Giấy CNQSD đất số T-00048 ngày 14/11/2003	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
17.3	Điểm trường thôn Vĩnh An, xã Phổ Khánh	1.968,0			Giấy CNQSD đất số T-00041 ngày 20/3/2003	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
18	Tiểu học Phổ Cường	8.419,0	886,1	1.500,0					
18.1	Điểm trường thôn Thanh Sơn, xã Phổ Cường	2.526,0	288,0	576,0	Giấy CNQSD đất số BA 849117 ngày 08/02/2010	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
18.2	Điểm trường thôn Thùỵ Thạch, xã Phổ Cường	2.253,0	199,5	308,0	Giấy CNQSD đất số B0 507024 ngày 19/06/2013	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
18.3	Điểm trường thôn Lâm Bình, xã Phổ Cường	932,0	199,3	308,0	Giấy CNQSD đất số AP 898064 ngày 01/12/2009	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
18.4	Điểm trường thôn Xuân Thành, xã Phổ Cường	2.708,0	199,3	308,0	Giấy CNQSD đất số BK 646245 ngày 24/12/2012	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
19	Tiểu học Phổ Vinh	1.188,0	0,0	0,0					
19.1	Điểm trường TDP Đông Thuận, phường Phổ Vinh	1.188,0			Giấy CNQSD đất số AE235881 ngày 22/6/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
20	Tiểu học Phổ Ninh	6.376,0	128,0	128,0					

STT	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất được giao /cho thuê	Hiện trạng sử dụng	Phương án xử lý	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	8	9
20.1	Điểm trường TDP Thanh Lâm, phường Phố Ninh	2.086,0	128,0	128,0	Giấy CNQSD đất số Q352733 cấp ngày 28/04/2000	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục từ bản đồ số 24, số thửa đất 233 xã Phố Thuận
20.2	Điểm trường TDP An Ninh, phường Phố Ninh	2.170,0			Giấy CNQSD đất số Q352739 ngày 28/04/2000	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
20.3	Điểm Hội Đồng Canh, TDP An Trường, phường Phố Ninh	2.120,0			Giấy CNQSD đất số Q352730 ngày 28/04/2001	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
21	Tiểu học Phố Văn	4.038,0	0,0	0,0					
21.1	Điểm trường TDP Thùy Triều, phường Phố Văn	4.038,0			Giấy CNQSD đất số T00007 cấp ngày 01/10/1999	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
22	Tiểu học Phố Thuận	1.860,0	168,0	168,0					
22.1	Điểm trường Thanh Bình, xã Phố Thuận	1.860,0	168,0	168,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
23	Tiểu học Phố Nhon	5.714,0	0,0	0,0					
23.1	Điểm trường An Tây Diên, xã Phố Nhon, Đức Phổ	5.714,0			Giấy CNQSD đất số AG451745 cấp ngày 02/3/2007	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
24	Tiểu học Phố Quang	1.035,0	128,0	128,0					
24.1	Điểm trường TDP Phần Thiát, phường Phố Quang	1.035,0	128,0	128,0	Giấy CNQSD đất số T00019 cấp ngày 11/4/2001	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
25	TH và THCS Phố Châu	1.744,0	42,0	42,0					
25.1	Điểm trường thôn Lung Long, xã Phố Châu	1.744,0	42,0	42,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	Trích lục từ bản đồ số 30, thửa đất số 01 xã Phố Châu
26	TH và THCS Phố Hòa	1.802,0	125,0	125,0					
26.1	Điểm trường Tiểu học TDP Nho Lâm, phường Phố Hòa	1.802,0	125,0	125,0	Giấy CNQSD đất số AB215251 cấp ngày 11/04/2006	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
27	TH và THCS Phố Minh	8.380,0	138,0	138,0					
27.1	Điểm trường Tân Mỹ, TDP 3, phường Phố Minh	1.000,0	96,0	96,0	Giấy CNQSD đất: QĐTL số 276/QĐ-UB của Sở Tài nguyên môi trường cấp ngày 25/06/1989	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
27.2	Điểm Trường Sanh, TDP 2, phường Phố Minh	1.123,0	42,0	42,0	Giấy CNQSD đất: QĐ số 276/QĐ-UB ngày 25/06/1989	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
27.3	Điểm Lâm An, TDP 3, phường Phố Minh	2.081,0			Giấy CNQSD đất: QĐ số 276/QĐ-UB ngày 25/06/1989	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
27.4	Điểm Hải Môn, TDP 4, phường Phố Minh	2.211,0			Giấy CNQSD đất: QĐ số 276/QĐ-UB ngày 25/06/1989	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
27.5	Điểm Tân Tự 2, TDP 1, phường Phố Minh	540,0			Giấy CNQSD đất: QĐ số 276/QĐ-UB ngày 25/06/1989	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
27.6	Điểm Sa Bình, TDP 1, phường Phố Minh	675,0			Giấy CNQSD đất: QĐ số 276/QĐ-UB ngày 25/06/1989	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
27.7	Điểm Tân Bình, TDP 1, phường Phố Minh	750,0			Giấy CNQSD đất: QĐ số 276/QĐ-UB ngày 25/06/1989	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng (đất trống)	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
28	THCS Nguyễn Nghiêm	900,0	120,0	120,0					
28.1	Trường THCS Nguyễn Nghiêm, Thị trấn Đức Phổ - C ở số 2	900,0	120,0	120,0	Giấy CNQSD đất số T00038 cấp ngày 12/10/2001	Đất cơ sở giáo dục	Không sử dụng	Bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất	
TỔNG CỘNG		106.241,5	5.612,0	6.225,9					